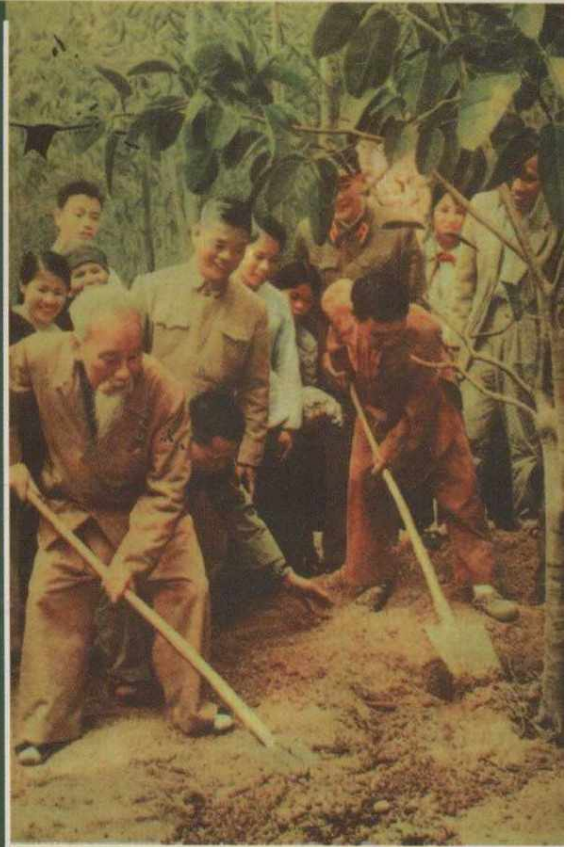




HỒ CHÍ MINH

BÁ NGỌC

chân
dung
đời
thường

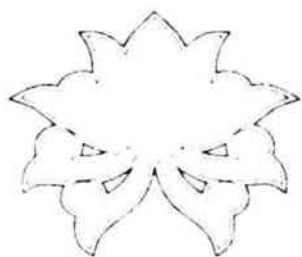


NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỒ CHÍ MINH

CHÂN DUNG ĐỜI THƯỜNG

BÁ NGỌC



HỒ CHÍ MINH

CHÂN DUNG ĐỜI THƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

BÌNH DỊ NHỮNG NƠI Ở

Sau chặng đường dài ba mươi năm, dấu chân Bác Hồ in trên 28 quốc gia của thế giới đầy biến động trong những năm đầu của thế kỷ 20, ngày 28-1-1941, Người dừng chân bên cột mốc 108, lòng bồi hồi xúc động, nhìn về phía trước, nơi đó là Tổ quốc, là đất mẹ. Từ giờ phút lịch sử đó, Người sẽ cùng cả dân tộc Việt Nam hướng về tương lai, sắp xếp lại trật tự xã hội với một ý chí mãnh liệt: Dân tộc Việt Nam phải được hồi sinh, phải trở về chính mình như ông cha đã từng gìn giữ trong suốt 4000 năm lịch sử.

Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nơi Bác chọn dừng chân đầu tiên khi trở về Tổ quốc là nơi đầu nguồn (tiếng Tày là Cốc Bó), từ đây như dòng nước mát tuôn chảy mãi về xuôi, đem về sự sống trường tồn.

Những ngày đầu vất vả gian truân với cảnh tĩnh mịch ẩm ướt của núi rừng, Bác vận động anh em dọn dẹp, sửa sang nơi ở cho thoáng mát. Nơi hoang sơ của núi rừng mà Bác như thấy một giang sơn hùng vĩ nên thơ “Đại bản doanh” đầu tiên được bố trí thật giản dị, phía trong hang là chỗ ngủ kê mấy thanh gỗ ghép lại, đêm nằm vừa đau lưng, vừa lạnh, phải đốt lửa để bớt đi buốt giá và ẩm ướt. Những ngày đầu, Bác làm việc trong hang nhờ ánh sáng yếu ớt chiếu từ khoảng trống nhỏ trên đỉnh hang. Đêm đêm để xua đi nỗi vất vả, thiếu thốn, Bác thường kể chuyện cho anh em nghe về lịch sử các thời kỳ ông cha dựng nước và giữ nước, cũng nếm

mật nằm gai mưu cầu nghiệp lớn; Bác kể chuyện thể giới, chuyện chiến tranh, chuyện cổ tích và cả chuyện tiểu lâm, để trong hang có tiếng cười vui. Ăn uống thì kham khổ, rau rừng nấu cháo ngô, bắp chuối chấm với muối trắng. Những bữa “cải thiện” là khi bắt được con cá, săn được con thú về kho muối mặn ăn dần.

Ban ngày sau khi dọn dẹp ngoài hang sạch sẽ, gọn gàng, Bác thường chọn một phiến đá làm nơi làm việc. Những lúc rỗi, Bác ra ngồi câu cá cạnh gốc cây si bên bờ suối. Để bảo đảm chỗ ở tuyệt đối bí mật, bác cho làm thêm một cơ sở khác cách đó không xa, nơi có mái núi đá mà Bác thường nói vui là một vườn Bách thú, vì ở đấy có nhiều rắn rết, bọ rùng. Rồi sau đó Bác còn cho làm tiếp một lán nhỏ nữa ở Khuổi Nậm, để đề phòng khi có động. Dẫu ở hang, ở mái đá hay ở lán, Bác cũng đều luôn sắp xếp nơi ở gọn gàng, sạch sẽ và bí mật, khi rời đi không để lại dấu vết... Bác tự mình bố trí nơi nghỉ, nơi làm việc. Bác nhặt những phiến đá nhỏ xếp thành từng bậc cạnh chỗ nằm, trên các bậc đó Bác để sách, tài liệu, giấy viết, bút mực, máy chữ... mỗi loại quy định chỗ để riêng, ngăn nắp, gọn gàng, khi cần với tay có thể lấy được. Lúc đầu anh em ở với Bác chưa có thói quen gọn gàng nên khi có việc là lúng túng, lộn xộn, Bác luyện dần thành thói quen cho anh em.

Bác thường dậy sớm hơn tập thể dục. Bác dọn một nền phẳng nhỏ trước cửa hang để tập. Dụng cụ của Bác hết sức đơn giản, chỉ là hai hòn cuội trắng dùng để luyện gân bàn tay (sau này trong khi đọc sách Bác cũng thường bóp hai hòn cuội). Bác dùng hai hòn “tạ” to nhỏ bằng đá, thay đổi khi tập. Sau mấy phút tập cho ấm người. Bác tắm suối hoặc leo núi. Do tập leo núi nhiều nên Bác có một sức chịu đựng dẻo dai, khi leo núi anh em trẻ cũng khó lòng theo kịp. Buổi sáng, Bác vận động

anh em tập thể dục để có sức khỏe chống lại bệnh tật nơi rừng núi hang động ẩm ướt đến khắc nghiệt.

Trong bộ đồ Chàm, quần xắn cao, bác cùng anh em kiếm củi, hái rau rừng, trồng gia trồng rau, trồng hoa bên bờ suối. Cạnh hang có dòng suối nước chảy trong mát, bác cùng anh em tạo cảnh hòn non bộ, có đá tai bèo, có cây, có nước. Bác lấy cây lau làm một chiếc cầu nhỏ, bên cầu có con thuyền gọt bằng thân gỗ trắng đang cắm sào đứng đợi, trông thật sinh động. Có đồng chí khéo tay lấy hòn đá gan gà đeo con cò đặt cạnh hồ nước như đang mò tép, in bóng xuống mặt nước trông thật nên thơ. Một thế giới sinh vật cảnh nơi núi rừng hoang vu, thiếu thốn, tạo nên cảm giác thanh tao, tự tại, như để quên đi cái đói, cái rét của thực tại mà hướng về công việc cho tương lai, bình minh của cuộc đời mới.

Trong hang có khối thạch nhũ cao quá đầu người, Bác dùng dao đẽo gọt, tạo dáng hình người rồi lấy mực nho vẽ mắt và miệng, ai cũng nói trông giống ông Tây, Bác bảo đây là tượng Các Mác. Bác hỏi anh em địa phương tên dòng suối, được biết là suối Giàng, còn ngọn núi cao có tên là Núi Khỉ, vì ở đây khỉ rất nhiều, hay còn gọi là Núi Đào vì có tích là Tiên Cô đã xuống đây. Bác cười vui và nói:

- Xưa có tiên cô xuống, nay có tiên cậu, tiên ông đến thật là hay. - Rồi Bác nói tiếp: - Cụ Các Mác là người muốn tất cả loài người thành tiên, nay ta đặt tên cho núi là núi Các Mác. Cụ Lênin là người thực hiện chủ trương của Cụ Các Mác nên ta đổi tên suối Giàng thành suối Lênin.

Từ đó khai sinh ra hai địa danh đã đi vào lịch sử của dân tộc.

Từ hang Cốc Bó, mái đá Lũng Lăn hay dưới mái lán dọc dòng Khuổi Nậm, từ khu Nam Sơn (Nguyên Bình) về Lũng Cát hay chuyển về hang Pác Tẻng, nơi đâu Bác cũng tạo nên một không khí bình thản, tự tại, một cuộc sống đậm ẩm mang nặng tình đồng chí, để vượt qua thử

thách, gian nan thiếu thốn của buổi đầu dựng nước. Từ năm tháng đời thường toát lên một sức mạnh tiềm ẩn mãnh liệt. Bác dịch sách, viết báo, làm thơ, ngày cũng như đêm, mưa cũng như nắng, lúc ở hang động hay dưới tán lá cây rừng. Tại Khuổi Nậm Bác đã triệu tập Hội nghị Trung ương Tám, thành lập Mặt trận Việt minh, ra báo "*Việt Nam Độc lập*", huấn luyện cán bộ tỏa ra trăm ngả đường của đất nước để chỉ đạo cách mạng... Ánh sáng bắt nguồn từ Bác - từ Pắc Bó, nơi thánh địa của cách mạng, đã soi rọi suốt cuộc hành trình cách mạng của cả dân tộc trên đường Thiên lý hướng về tương lai.

Cách mạng phát triển nhanh chóng, thời cơ đã đến, Bác chuyển về lán Nà Lừa, lấy Tân Trào làm căn cứ triệu tập Quốc dân đại hội, phát lệnh Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền trong cả nước. Trên đường về Hà Nội, Bác ghé làng Gạ rồi về 48 Hàng Ngang viết bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cách mạng thành công nhưng khó khăn trăm bề, thù trong giặc ngoài, thế nước "nghìn cân treo sợi tóc". Bác phải chuyển chỗ ở nhiều nơi để tránh nguy hiểm, luôn luôn cải trang, lúc đi sớm khi về tối, lúc ở số 8 Lê Thái Tổ, khi ở Bắc Bộ phủ, lúc ngủ ở Quán Ngựa, khi về Bưởi... Nhiều nơi đã ghi lại những kỷ niệm không quên về Bác trong buổi đầu cách mạng gian nan, vất vả, hiểm nguy. Kháng chiến bùng nổ, Bác lại lên đường mở cuộc trường chinh. Bác về Vạn Phúc viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, về Chùa Trầm chúc tết Đinh Hợi 1947; vai đeo ba lô lên núi rừng Việt Bắc đi kháng chiến, dưới mái lán lá rừng vách nửa bên Làng Sảo Bác triệu tập hội nghị Trung ương chỉ đạo đường lối trường kỳ kháng chiến, rồi đến Khuổi Tấu viết *Việt Bắc anh dũng*; có phút thư giãn về huyện lỵ Sơn Dương "Đi thuyền sông Đáy" làm thơ; hay về hang Bòng chỉ đạo chiến dịch Biên giới; trở lại Kim Bình dự Đại hội đảng lần thứ 2; đến

Khuôn Điền cùng Trung ương chỉ đạo chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử - trận quyết chiến cuối cùng chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Hơn 3.000 ngày hành quân đi kháng chiến, vượt qua bao gian khổ khó khăn, Bác đã lãnh đạo toàn Đảng toàn dân làm nên trận thắng oanh liệt ghi mãi nghìn năm và chứng minh cho thế giới một chân lý: một dân tộc dù nhỏ bé, nếu biết đoàn kết có thể chiến thắng một đế quốc to, mạnh hơn nhiều lần về vũ khí.

Cuộc sống đời thường đạm bạc nơi chiến khu Việt Bắc, theo Bác suốt ngàn ngày kháng chiến là mái lán đơn sơ của cây rừng Việt Nam. Đồng chí Lê Văn Nhương (Bác đặt tên cho là Cẩn) tham gia trung đội dân công hỏa tuyến Nghệ An, khéo tay, biết nghề mộc, được cùng một đồng chí nữa chuyên làm lán cho Bác ở kể lại rằng: Bác yêu cầu tìm chỗ cho Bác ở nơi yên tĩnh, bí mật, có bóng cây thoáng mát và có đất để trồng gia, gần nguồn nước, phía sau có núi để dễ làm hầm trú ẩn, thuận lợi cho liên lạc di chuyển dễ dàng khi có động. Làm lán cho Bác không to quá, diện tích bằng khoảng hai chiếc chiếu, đủ cho Bác kê chiếc bàn nhỏ làm việc và nơi nghỉ. Lán cao vừa tầm Bác, không quá 2m. Làm không cầu kỳ mà giản dị, vật liệu sẵn có xung quanh, 3 phía có vách nữa, lán đặt trên 4 cọc tre, lối lên lán làm một cái thang bằng tre khoảng 3 bậc, mặt lán cách mặt đất khoảng nửa mét, tùy theo địa hình. Phên vách, sàn làm bằng tre, luồng hoặc nứa. Đồ dùng bày biện phía trong lán lại càng đơn giản hơn. Bố trí một bàn, một ghế bằng gỗ tạp đủ để cái máy chữ nhỏ, một ít sách, tài liệu cần thiết, những thứ đồ dùng vật như bút giấy, hai hòn sỏi bóp luyện tay... để cạnh. Một hòm nhỏ đựng tư trang để phía dưới. Chân giường đóng thẳng xuống đất cho chắc chắn, trên vách treo cái quạt bằng lá cây rừng. Cái tẩu thuốc Bác thường nói vui đấy là telephone của Bác, khi cần

Bác gõ vào cột tre theo tín hiệu quy định là người giúp việc có mặt. Thời gian rồi Bác cùng anh em trong cơ quan chơi bóng chuyền, tập thể thao, tăng gia sản xuất, trồng bí trồng bầu nuôi gà, nuôi bò. Trong thời gian này Bác nảy ra ý quản lý kinh tế theo phương thức khoán sản phẩm. Bác bảo các đồng chí, giao bò cho dân địa phương nuôi, khi bò phát triển thì một phần để lại cho nhân dân còn một phần cho tập thể. Trồng được nhiều bí, cả một bãi rộng dày đặc quả, khi thu hoạch anh em kiểm số lượng quả vì nhiều nên bị lẫn liên tục, Bác bày cho cách: đếm xong quả nào cắm một que tre, khi cắm hết chỉ cần gom số que là ra số quả tăng gia được và giao cho người quản lý.

Kháng chiến thắng lợi, Bác về Thủ đô Hà Nội, lúc đầu Trung ương có ý định mời Bác về ở trong ngôi nhà Toàn quyền cũ, vì ở đây có đủ tiện nghi sinh hoạt, bảo đảm tốt cho sức khỏe của Bác, tiện việc tiếp khách và mọi công việc của Chủ tịch nước, nhưng Bác không chịu. Bác bảo, Bác chứ không phải viên Toàn quyền, không phải vua, Chủ tịch một nước còn nghèo, chưa có quyền hưởng thụ quá mức trung bình của người dân, nên Bác quyết định chọn cho mình ngôi nhà của người thợ điện ngày trước, một ngôi nhà bình dị như bao ngôi nhà khác, mái ngói, nền đất, nơi mà mùa nóng thì nhiệt độ cao hơn hẳn xung quanh, ngày thiếu ánh sáng có lúc phải thắp đèn. Chỉ có điều tiện duy nhất là gần với anh em phục vụ trong không khí ấm cúng gia đình.

Năm 1958, Trung ương quyết định xây nhà cho Bác, nhưng Bác chỉ nhất trí khi làm theo ý Bác, Bác cho gọi kiến trúc sư làm theo kiểu nhà sàn của đồng bào Việt Bắc, nơi Bác đã từng sống trong sự dùm bọc, bảo vệ của đồng bào các dân tộc trong những ngày đầu kháng chiến. Ngôi nhà sàn dưới bóng cây cạnh hồ nước, xung quanh có vườn hoa cây cảnh vừa đẹp lại vừa mát là môi

trường tốt cho sức khỏe, lại thuận lợi cho công việc, vừa không tốn nhiều tiền của nhân dân. Bác dặn, gỗ dùng làm nhà cho Bác chỉ dùng loại gỗ như đồng bào thường dùng. Tầng dưới bố trí một chiếc bàn lớn và mười một chiếc ghế (số ghế đủ cho các đồng chí trong Bộ Chính trị lúc bấy giờ), xung quanh nhà xây một bờ tường thấp, trên lát gỗ làm ghế cho các cháu thiếu nhi ngồi khi các cháu vào với Bác. Xung quanh nhà làm một dãy hành lang vừa phải để khi Bác ngồi đọc sách có ai qua lại không bị ảnh hưởng, vừa nói Bác vừa bê chiếc ghế mây ra, Bác ngồi giờ tay làm cữ, ánh chừng độ rộng của hành lang cho đồng chí kiến trúc sư biết. Bác dặn đi dặn lại là phải hết sức tiết kiệm. Khi bác đi thăm một số nước về thì nhà sàn đã làm xong. Bác lấy tiền riêng của mình tổ chức bữa liên hoan ngọt, Bác gọi là “tiệc liên hoan khánh thành công trình”. Bác mời đồng chí Ninh và những anh em tham gia làm nhà sàn cho Bác, đến dự liên hoan. Buổi liên hoan vui vẻ, Bác đi đến chỗ đồng chí Ninh và khen công trình làm nhanh, tốt, rồi ân cần phê bình nhẹ. Bác nói chân tình, nước ta chưa giàu, dân ta còn chưa có đủ nhà ở, cần phải tiết kiệm. Khi chụp ảnh lưu niệm, Bác vẫy tay gọi đồng chí Ninh:

- Ông “Kiến...” đến đứng gần đây.

Tất cả cười vui vẻ, Bác gọi “ông Kiến” bớt đi hai chữ “trúc sư” vừa vui lại vừa nhắc nhở là kiến trúc sư phải tiết kiệm, mà nghĩa đen “kiến” là con vật hay leo, như đồng chí Ninh đã “leo thang” trong việc làm nhà sàn cho Bác, không làm đúng như ý Bác là phải tiết kiệm, mà leo thang hơi quá.

Bác ở nhà sàn với thời gian dài nhất trong quãng đời còn lại của Bác. Trong nhà sàn bố trí đơn giản, chỉ có những đồ dùng rất gần gũi với Bác. Một chiếc giường đơn trải chiếu cói, cái tủ nhỏ, bộ bàn ghế, trên bàn để đèn, lọ hoa, cái máy thu thanh, cái quạt nan, mấy quyển

sách cần thiết hàng ngày. Chiếc bàn nhỏ và chiếc ghế mây ở cuối hành lang là nơi Bác ngồi làm việc những buổi chiều hè. Bác thường ngồi đọc báo ở đây, dưới tán lá cây vú sữa rì rào trước gió như tiếng nói của đồng bào miền Nam bên Bác. Những vật bình thường đã ở bên Bác đến suốt cuộc đời và sẽ ở mãi với nhà sàn cùng non sông đất nước như huyền thoại về một con người.

Hàng năm đến ngày sinh nhật Bác, nhiều đoàn thể cơ quan, khách trong nước, khách nước ngoài đến chúc mừng sinh nhật Bác. Khách đến Bác rất vui, nhưng sau Bác bảo sinh nhật Bác là ngày riêng cá nhân mà làm ảnh hưởng nhiều đến thời gian và tiền bạc của tập thể. Bác gặp đồng chí phụ trách công tác bảo vệ, nhờ tìm cho Bác một chỗ yên tĩnh, gần núi, làm một ngôi nhà nhỏ chỉ độ hai đến ba người làm việc, nhưng nhớ là không lấy đất trồng trọt của dân. Khi tìm được một địa điểm trên núi Ba Vì, Bác đồng ý. Thế là gần đến ngày sinh nhật, Bác “tạm lánh” lên làm việc trên đó. Bác dặn ở nhà báo với mọi người Bác đi công tác xa. Lên đó yên tĩnh, thoáng mát, gần với thiên nhiên. Ngày sinh nhật, các đồng chí bảo vệ, phục vụ tìm một bó hoa rừng đến chúc mừng Bác, Bác cháu vui trong nỗi niềm gia đình đầm ấm, Bác đặt tên cho ngôi nhà là “ngôi nhà cần kiệm” vì ở đó Bác làm việc được nhiều hơn, phục vụ được nhiều hơn và tiết kiệm hơn cho dân, cho nước.

Cuộc đời Bác gắn liền với những nơi ở thật bình dị, bình dị như con người Bác. Từ ngày dựng nước gian lao vất vả đến khi làm Chủ tịch nước Bác vẫn giữ lối sống bình dị, không đòi hỏi một sự ưu tiên, một vinh hoa nào cho riêng mình. Bác chọn nơi ở là nơi gần với người lao động. Mỗi khi Bác đi thăm các địa phương xa, phải ở lại qua đêm, các đồng chí địa phương thường bố trí cho Bác nơi ở tốt nhất, nhưng Bác không chịu. Bác tự chọn cho mình chỗ ngủ, có khi bố trí trên bãi biển, có lúc trên trận

địa pháo. Bác là vậy, tư tưởng, tác phong của Bác là gần dân, luôn luôn giữ mức sống như của người dân bình thường, hòa cùng nhịp sống, nỗi niềm của người dân. Ngay khi chuẩn bị cho mình về cõi vĩnh hằng “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin”, Bác cũng dặn hòa thân mình khắp ba miền Tổ quốc, đặt nơi tưởng niệm trên ngọn đồi tỏa mát bóng cây. Gần dân là cuộc sống đời thường hàng ngày của Bác, là ý tưởng vĩnh cửu của tư tưởng Bác.

Điều khác biệt ở Bác Hồ là người không có gia đình riêng, vì công việc hoạt động Cách mạng cho nên Người không có điều kiện xây dựng gia đình riêng. Nghĩ về việc đó Người đã từng nói, đây không phải là “siêu nhiên” mà chỉ là “phản tự nhiên”, khuyên người khác không nên theo. Do đó Người xem tất cả thanh thiếu niên, nhi đồng Việt Nam là con cháu của mình, mỗi niềm vui nỗi buồn của các gia đình Việt Nam là vui buồn của chính mình. Cuộc sống riêng của Người đã hòa làm một với cuộc đời công việc. Người đã hiến dâng tất cả cho dân, cho nước, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Lối sinh hoạt của Bác thật giản dị, đạm bạc mà thanh cao. Đó là nếp sống chừng mực, điều độ ngăn nắp, yêu lao động, quý trọng thời gian, không để lại gì riêng tư cho mình. Người đã giành ham muốn tột bậc cho dân tộc, cho nhân dân. Ở Người, tình yêu thương con người hòa quyện với tình yêu thiên nhiên, kết thành tinh thần lạc quan Cách mạng với sự rung cảm của một tâm hồn nghệ sĩ. Chính vì vậy Người đã trở thành nhà hiền triết phương Đông, là thánh của thời hiện đại. Có vị đứng đầu một đảng Cộng sản đã thừa nhận rằng Bác Hồ mới thật xứng đáng là “vị thánh của Chủ nghĩa Cộng sản”. Trong sinh hoạt hàng ngày, Người luôn đặt cho mình một kỷ luật chặt chẽ, trật tự, ngăn nắp, gọn gàng, chú ý rèn luyện sức khỏe, sắp xếp thời gian khoa học tiến hành mọi việc hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất.

HÀNH TRANG GIẢN DỊ

Tư trang của một vị Chủ tịch nước như ở Bác Hồ thật đặc biệt, bởi nó quá giản dị. Có lẽ những thế hệ mai sau khi nghe kể cho đó là huyền thoại. Đôi dép cao su làm từ lốp cũ xe hơi, Bác dùng đến mòn vẹt phải đóng đinh bao lần mà Bác vẫn dùng, đôi tất vá đến hai, ba lần, cổ áo sờn rách đã mấy lượt lộn lại trong ra ngoài...

Nếp sinh hoạt, cách ăn mặc của Bác đã thành thói quen, Người luôn có ý thức trước những việc làm đó. Từ những năm tháng hoạt động cách mạng ở nước ngoài, lúc ở Thái Lan, khi về Trung Quốc, về nước thời kỳ bí mật ở Cao Bằng hay khi làm Chủ tịch nước. Những năm tháng đi kháng chiến, lúc về thăm nông dân gặt hái hay làm thượng khách ở nước ngoài, Bác luôn luôn với một tư thế giản dị, ung dung, tự tại, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh. Dù ở đâu, lúc nào Bác cũng để lại ấn tượng tốt đẹp, một phong cách mẫu mực của một lãnh tụ. Hành trang Bác mang theo tự nói lên một điều chân thực: làm chức càng cao càng phải giản dị. Làm Chủ tịch nước Bác nhận lấy cho mình được cái quyền sống giản dị, bằng mức sống bình thường của người dân. Các đồng chí được giao việc phục vụ Bác, tìm mọi cách lo cho Bác được chu tất về mọi mặt. Nhưng Bác luôn có cái lý của Bác, thời kỳ chiến khu gian khổ Bác bảo chưa cần thiết, khi làm Chủ tịch nước Bác bảo dân còn nghèo.

Nhớ thời kỳ về nước ở hang Cốc Bó, Bác thường vào các bản làng thăm đồng bào, với bộ quần áo Chàm, chân đi giày vải, trông như một ông Ké thực thụ. Khi về Thủ đô Hà Nội đọc *Tuyên ngôn độc lập*, các đồng chí Trung ương may cho Bác bộ quần áo bằng vải kaki. Thời kỳ kháng chiến, Bác có thêm bộ “quân phục màu xanh”, Bác thường mặc lúc hành quân đi lẫn trong đoàn quân ra trận. Bác còn có thêm chiếc áo len cho ấm về mùa đông, chiến áo khoác tránh mưa là chiến lợi phẩm của một đơn vị bộ đội tặng Bác. Trời nắng Bác thường dùng bộ “gụ Hà Đông”. Khi bước vào cỏi vĩnh hằng, Người vẫn mặc bộ quần áo kaki và đôi dép lốp cao su quen thuộc. Thời kỳ kháng chiến, đồ dùng của Bác có chiếc va li nhỏ đựng sách, tài liệu và cái máy chữ, quần áo tư trang cho vào một túi nhỏ. Các đoàn thể tặng Bác nhiều tư trang, đồ dùng, Bác thường đem làm tặng phẩm cho cá nhân, tập thể có thành tích, hoặc đem bán đấu giá lấy tiền cho cách mạng.

Tư trang của Bác bao giờ cũng ở mức cần thiết cho sinh hoạt, nhưng Bác lại luôn luôn lo cho sự thiếu, đủ của từng người. Đến thăm thương binh, Bác lo từng chiếc áo ấm cho họ. Lúc vào trại tù binh thấy tù binh thiếu áo, Bác cũng lo áo cho họ, cử nghĩa đó làm bớt đi sự căng thẳng hận thù của con người với con người, của hai dân tộc. Trong gian khổ kháng chiến, Bác cùng chịu đựng đói, no, giá lạnh như người chiến sĩ. Không lo cho riêng mình, Bác lo cho chiến sĩ trước. Bác là người khởi xướng phong trào “mùa đông binh sĩ”, vận động nhân dân không những lo cái ăn mà còn lo cái mặc cho chiến sĩ. Ở hậu phương ai có thành tích lo cho chiến sĩ mặc ấm Bác đều gửi thư khen ngợi.

Kháng chiến thắng lợi Bác trở về Thủ đô, cách ăn mặc của Bác cũng không thay đổi lắm. Bác thường dặn các

đồng chí phục vụ khi giặt áo cho Bác thấy chỗ nào rách thì vá lại cho Bác dùng, cho nên việc khâu vá quần áo cho Bác các đồng chí phục vụ cũng tự làm lấy. Chỉ khi không tự làm được các đồng chí mới xuống nhà máy nhờ làm giúp. Số lượng áo quần của Bác ít nên phải thay dùng luôn. Bác đi nhiều nơi. Khi xuống đồng gặt lúa, chống hạn với bà con nông dân, quần áo Bác thường lấm bùn. Khi thăm nhà máy, Bác thường xuống tận nơi làm việc của công nhân nên dầu mỡ, chất xút thường vấy vào quần áo Bác, những chỗ đó dầu giặt sạch ít lâu sau cũng bị bung. Thay cái mới Bác không chịu, Bác bảo khâu vá lại cho Bác để Bác dùng. Ở những bộ quần áo đó những vết mạng, những miếng vá đều gắn với những kỷ niệm. Thời kỳ Bác đi kháng chiến, trong bộ quần áo xanh, trên đường hành quân, Bác như một người lính, vai thắt bao gạo ngang lưng, mũ cài lá ngụy trang, khăn vắt ngang vai hòa vào nhịp bước hành quân của bộ đội, dân công đi chiến dịch. Trên đường Bác gặp một ông cụ trong đoàn dân công. Hai người chuyện trò tâm đầu hợp ý. Bác khen ông cụ: “Cụ già còn phục vụ tiên tuyến làm gương cho con cháu noi theo”. Cụ kia khen Bác: “Tôi làm sao bì được với Cụ, Cụ râu tóc đã bạc mà vẫn *chiến sĩ Bạch đầu quân*”. Hai cụ vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ. Khi lội qua suối, cụ dân công trượt chân, Bác vội đỡ kịp thời nên cụ không bị ngã, nhưng chiếc đinh ở đầu đòn gánh đã vướng làm rách áo Bác. Cụ dân công vội cảm ơn “thật là em ngã anh nâng”. Cả hai cụ cùng cười vui vẻ. Còn vết mạng ở đầu gối là kỷ niệm ở Ngòi Thia, gần Tân Trào. Hôm đó Bác đi ngựa, khi đến chỗ vòng ngoặt gấp có cây tre chắn ngang lối đi, ngựa phi nhanh Bác chưa kịp ghìm cương, ngựa dừng đột ngột Bác mất đà bị ngã, nhưng may Bác phản xạ nhanh nên chỉ xước đầu gối. Vết xước làm rách vải và chảy máu. Khi mọi người chừa

kip đến thì Bác đã đứng dậy, chân Bác cà nhấc. Còn vết khâu ở gần gấu áo là lần Bác về chống hạn. Bác cùng đồng chí tỉnh ủy tát nước gàu dai, nhưng đồng chí Tỉnh ủy không biết tát nước, cứ lóng ngóng chân tay, dây gàu vướng vào làm gấu áo Bác bị rách, sau phải vá lại, Bác bảo: “Làm cán bộ lãnh đạo nông nghiệp thì phải biết cách lao động của nông dân”, rồi Bác tập cho đồng chí tát nước. Có lần Bác đi thăm một nhà máy, Bác xuống tận tổ công nhân đang cho chạy máy. Bác đến hỏi han công việc, chất xút bắn vào áo, tạo thành nhiều vết, khác màu áo, Bác bảo đồng chí phục vụ khắc phục làm cho màu áo và màu vết xút gần giống nhau, và áo lại dùng được bình thường. Tất cả những áo quần đó vì đã mang vết nên không thể giấu Bác để thay cái mới được, thay cái khác là Bác biết, Bác phê bình ngay. Đồng chí Cần, chuyên lo ăn uống, quần áo cho Bác. Đồng chí tâm cỡ người như Bác, nên khi may quần áo cho Bác, đồng chí mặc vừa là Bác mặc vừa. Quần áo thường ngày Bác thích màu gụ, nên khi may xong đồng chí mang sang xí nghiệp Tô Châu nhuộm gụ. Bộ nào hơi cũ là đồng chí thay bộ khác cùng kiểu, cùng màu nên lúc đầu Bác không biết. Một thời gian sau Bác thấy quần áo vẫn mới. Bác bèn đánh dấu rất kín và phát hiện ra là đồng chí đã đổi quần áo của Bác. Bác liền phê bình, từ đó rất khó thay đổi quần áo của Bác. Áo Bác dùng lâu giặt đi giặt lại nhiều lần nên cổ áo bị sờn và rách dần, khi mọi người đề nghị Bác cho thay cái khác, Bác bảo: “Cả cái áo chỉ sờn chỗ cổ mà vứt đi thì không được, chú chịu khó tháo rồi lộn trong ra ngoài, may lại vẫn lành như mới”. Làm theo ý Bác được mấy lần, sau không thể “khắc phục” được nữa Bác mới cho thay cái mới. Đôi bít tất Bác đi cũng vậy, bị thủng ở đầu ngón chân Bác bảo khâu lại cho Bác dùng, vì không biết làm nên phải xuống xí nghiệp may mặc của Bộ Nội

vụ nhờ các cô giúp. Các cô đề nghị thay đôi khác cho Bác, nhưng Bác đã dặn là bút tất của Bác chỉ hỏng mũi, còn mọi chỗ vẫn lành nguyên, chỉ nhờ các cô khâu lại, nếu đem đôi đôi khác là Bác không dùng đâu. Khi Bác dùng lại đôi tất, khen các cô khéo tay, Bác nói: “Chú xem, chỉ chịu khó một tý là có đôi bút tất như mới”. Lần sau đôi bút tất đó, thủng hai lỗ trước và sau, rồi lại lần nữa, các cô phải khâu vá đôi bút tất đến ba lần. Bác thường dùng khăn mặt vuông, vì dùng khăn mặt vuông tiết kiệm hơn khăn mặt chữ nhật, mỗi khi dùng xong Bác có thói quen phoir lên dây, luôn giữ hai mép dưới bằng nhau. Bác tìm mấy hòn cuội nhỏ xếp vào trong hộp đựng xà phòng, khi dùng xong Bác để xà phòng lên những hòn cuội, xà phòng mau khô, nên tiết kiệm.

Chị Liên là người được đồng chí Cần nhờ may vá giúp Bác. Chị kể lại, khi làm việc này mới thực sự hiểu Bác giản dị và tiết kiệm đến chừng nào. Bác có chiếc áo gối vải màu xanh hòa bình, miếng vá này chồng lên miếng vá kia, mỗi lần cầm chiếc áo gối vá lại cho Bác, chị không cầm nổi nước mắt, không cầm kim vững để khâu lại được. Chị nói với đồng chí Cần: “Anh đừng bắt tôi vá áo gối cho Bác nữa. Tôi thương Bác lắm, anh có cách nào thay áo gối khác cho Bác”. Đồng chí Cần nói: “Tôi đã nhiều lần đề nghị Bác cho thay cái khác, nhưng Bác chưa đồng ý. Chị chịu khó vá giúp tôi”. Những lúc đó chị hình dung Bác như thấu hiểu nỗi lòng người mẹ hiền thôn quê tần tảo lo cho đàn con nhỏ miếng ăn, manh áo trong cảnh túng thiếu. Bác là hiện thân của Người mẹ Việt Nam: Đối với mọi người, dầu ở cương vị công tác nào Bác cũng giáo dục tinh thần biết quý trọng con người là ở ý thức tiết kiệm, đó là thước đo đạo đức của cán bộ. Đối với anh em phục vụ, Bác chân tình mà nghiêm khắc khi giáo dục tiết kiệm.

Đôi dép cao su của Bác đã đi vào thơ ca, nhạc, họa, hiện thân trong đời sống nhân dân như một huyền thoại, gắn liền với cuộc đời vĩ đại, đức tính giản dị, ý chí kiên cường, bền bỉ cùng với dân tộc trên đường trường chinh vạn dặm vì độc lập tự do của Tổ quốc. Đôi dép của Bác được cất từ chiếc lốp ô tô quân sự, chiến lợi phẩm của trận phục kích địch tại Việt Bắc. Đôi dép được cất vừa chân Bác, hai quai trước to bản kiểu quai vắt chéo, vừa êm vừa chắc chắn khi lội suối, trèo đèo, vượt đường trơn, dốc cao. Thấy tiện, dễ sử dụng lại hiệu quả, Bác cho phổ biến trong toàn mặt trận, thay thế dần giày vải, dép rơm, dép mo cau... Nhân chuyến hành quân đi chiến dịch, Bác thấy ai cũng đi đôi dép cao su vượt suối băng đèo thoăn thoắt, Bác nói vui: “Như vậy Bác cháu chúng ta có đôi hài cao su vạn dặm, chúng ta muốn đi đâu cũng được”.

Khi về Hà Nội, Bác vẫn dùng dép cao su. Đôi dép Bác dùng lâu ngày vệt cả đế, quai bị tuột luôn, đóng đinh găm quai nhiều lần mà vẫn tuột, có kiên trì và khéo tay mới làm lại được, khi sửa xong thấy vẫn dùng được là Bác cứ dùng. Thấy dép Bác cũ, hỏng nhiều, các đồng chí phục vụ đề nghị thay đôi khác, Bác không chịu. Anh em bàn “kế hoạch” làm một đôi khác thật giống đôi dép Bác đang đi, chỉ có khác là chắc, bền hơn, lợi dụng thời cơ thay vào.

Hôm đầu Bác đi Bác không nói gì, anh em tưởng việc đã êm, nào ngờ sáng hôm sau Bác hỏi sao lại đổi dép của Bác, anh em đành thưa thật với Bác. Bác ôn tồn bảo: “Các chú biết lỗi nhận lỗi là tốt, đôi dép cũ của Bác nếu chịu khó sửa vẫn còn dùng được, lần sau mua sắm cái gì cho Bác, các chú phải báo cho Bác biết”. Anh em tưởng Bác nói thế là đã chấp nhận đôi dép, nhưng Bác vẫn giữ đôi dép đó mặc dầu đã sửa nhiều lần, vì nó là kỷ niệm

bên Bác từ những ngày gian khổ. Bác còn có một ước mơ nữa là cùng đôi dép đỏ vào thăm đồng bào miền Nam là Bác thỏa ước nguyện.

Một lần Bác đến thăm một đơn vị hải quân, các chiến sĩ lần đầu gặp Bác, ai cũng muốn được gần Bác nên chen chúc nhau làm tuột quai dép của Bác. Bác bảo chú nào khéo tay sửa lại cho Bác. Ai cũng muốn giành lấy để giúp Bác, thế rồi đôi dép được chuyển tay nhau, nhưng không ai sửa được vì dép đã quá vệt mòn, đã đóng đinh mấy lần rồi, xâu vào nó lại tuột ra. Có người nhanh chân kịp lấy búa và đinh sửa lại giúp Bác. Có người yêu cầu Bác đổi dép khác. Bác bảo: “Dép đã sửa xong, khi nào không sửa được hẵng hay, giờ mua đôi khác không cần thiết, vẫn dùng được sao vứt đi, dân ta còn nghèo, mỗi người kể cả Chủ tịch nước cũng phải tiết kiệm”.

Có mẩu chuyện vui về đôi dép của Bác. Lần đó xem phim, tất cả đều ngồi bệt xuống nền nhà gỗ, Bác để dép bên cạnh phía trước để khi về tiện lấy và không nhầm lẫn. Xem phim xong, Bác cùng mọi người chụp ảnh. Cô gái ngồi cạnh Bác thấy đôi dép đã quá cũ, không biết dép Bác, sợ làm xấu mất ảnh, cô vươn người với tay định cất đi. Bác nhanh tay hơn với trước, vội cất ra sau và nói vui: “Ồ, đúng rồi, phải giấu nó đi chứ vào ảnh hỏng mất ảnh”.

Bác có thói quen, khi đã đi dép là cúi xuống kéo quai hậu cẩn thận, vừa dễ đi, chắc chắn, dép không kêu lẹt bẹt, làm mất tác phong của người đứng đắn, và dép mòn cũng mòn đều, không mòn vệt một bên, hai quai trước cũng đỡ hỏng. Ở Bác, đi dép cũng là một nét văn hóa.

Đầu năm 1958, đi thăm Ấn Độ, Bác vẫn đi đôi dép thường ngày. Mọi người trong đoàn thấy thế rất ái ngại nên bàn nhau mang theo một đôi giày vải. Lên máy bay nhân lúc Bác ngủ, thay đôi dép bằng đôi giày vải. Khi

thức giấc Bác hỏi dép, anh em trả lời Bác là đôi dép đã để dưới khoang máy bay. Khi xuống sân bay, Bác yêu cầu lấy dép để Bác đi. Bác bảo đừng lo gì cả, đất nước Ấn Độ cũng nghèo như mình, mới có độc lập nên còn nhiều vất vả. Bác đi dép có bít tất thể là rất tốt, họ không chê mình dẫu. Nhân dịp này Bác muốn gần gũi với nhân dân lao động Ấn Độ. Hôm sau trên các trang báo lớn Ấn Độ đều hết lời ca ngợi Bác là vị Chủ tịch nước dân chủ nhất thế giới, ca ngợi đôi dép Bác Hồ là một huyền thoại. Hôm Bác đến thăm một ngôi chùa, Bác cởi dép để ở ngoài, các phóng viên được dịp tha hồ quay phim, chụp ảnh đôi dép huyền choại đó.

Lo cho dân, Bác không chỉ ngồi ở bàn giấy rồi nghe báo cáo, mà Bác trực tiếp xuống tận cơ sở đến với từng người lao động để hiểu rõ hơn tình hình thực tế. Đi đâu Bác chỉ dùng một chiếc xe “Pabêda” do nhân dân Liên Xô gửi tặng. Xe dùng đã lâu ngày nên cũ và hay hỏng vặt, văn phòng đề nghị Bác cho đổi xe khác tốt hơn, Bác không đồng ý, Bác bảo: “Ai thích đi nhanh, thích êm thì đổi. Còn Bác thì không”. Có hôm đến giờ đi công tác, xe không nổ máy được, Bác ôn tồn bảo đồng chí lái xe: “Máy móc có lúc trục trặc. Chú cứ bình tĩnh sửa, sửa xong Bác cháu đi cũng kịp”, mấy phút sau xe mới nổ máy được, Bác cười vui và nói: “Thế là xe vẫn còn tốt”.

Ở Bác, tiết kiệm là hành trang trong cuộc đời. Thật cảm động khi biết rằng bản di chúc của Bác đã đi vào lịch sử dân tộc được Bác viết ở mặt sau tờ tin hàng ngày của Việt Nam Thông tấn xã.

Hành trang của Bác - của một vị lãnh tụ, giản dị như hành trang của một người dân bình thường, bởi Bác sống không chỉ cho riêng mình.

TÂM GUƠNG RÈN LUYỆN

Cuộc đời của Bác là một mẫu mực về tự rèn luyện. Bác đã làm thơ nói rõ con người tốt hay xấu là do rèn luyện mà nên. Từ tuổi học trò đến lúc trở thành Chủ tịch nước, Bác không ngừng đấu tranh gian khổ, vươn lên tự hoàn thiện mình. Mỗi hành vi của mình, Bác như đã hóa thân trong quảng đại quần chúng. Muốn đạt tới sự hoàn thiện đó phải dày công khổ luyện, khổ luyện đến mức thành nếp sống, thành thói quen. Bác nói thật chí lý: “Việc gì trong đời sống cũng khó khăn cả vì chưa thành thói quen, khi đã có thói quen thì việc gì cũng không khó”.

Bác có kiến thức uyên bác, kết tinh trí tuệ Đông Tây kim cổ là nhờ công khổ luyện. Bác hoàn thiện nhân cách của mình, tự tại, hòa mình, lịch sự, ân cần, nồng nhiệt, sức mạnh cảm hóa mọi nhân cách của Bác cũng do rèn luyện mà nên.

Những năm tháng hoạt động cách mạng ở nước ngoài, vừa lao động kiếm sống, vừa tìm mọi cách để học tập, Bác tận dụng công việc để có thể học tập được, nhất là học tiếng nước người. Hàng ngày trước khi thức dậy, Bác viết lên cánh tay mấy từ mới để khi vừa làm vừa nhẩm học, đến khi chữ mờ hết thì Bác cũng đã thuộc. Bác dùng ngoại ngữ làm phương tiện để đấu tranh. Bác tập viết báo rồi trở thành chủ bút tờ báo của thợ thuyền, Bác đọc nhiều, viết nhiều với mục đích thật đơn giản là đem kiến thức đó về giải phóng dân tộc.

Trên cương vị cao nhất của Đảng, của Nhà nước, dù bận trăm công nghìn việc, sau này dù tuổi cao, sức khỏe kém Bác vẫn không ngừng học tập, đọc thêm nhiều tài liệu, sách báo trong nước và nước ngoài. Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, ta có nhiều cơ quan nghiên cứu, có cả một bộ máy chống chiến tranh, thế mà thật ngỡ ngàng khi Bác nhắc phải chú ý đề phòng loại máy bay mới của Mỹ đã xuất hiện trên bầu trời nước ta. Bác nhắc nhở phải quan tâm nghiên cứu các số liệu như tỷ lệ người da đen trong giặc lái, mỗi lần xuất kích ném bom miền Bắc phi công được thưởng bao nhiêu tiền. Bác quan tâm đến “lý thuyết xếp hàng”, khi thấy nhân dân lao động rồng rắn xếp hàng dài...

Thời gian bị giam giữ ở nhà tù của Tưởng Giới Thạch, chế độ lao tù hà khắc đến sức lực tuổi trẻ như Dương Đào cũng phải bỏ mạng, Bác sống được là nhờ ý chí rèn luyện thân thể. Thời kỳ ở núi rừng, hang động thiếu thốn trăm bề, ăn uống kham khổ nhờ tự rèn luyện mà Bác và nhiều đồng chí đã vượt qua.

Thói quen làm việc đúng giờ, Bác luôn giữ, đâu ở đâu, lúc nào, nên anh em phục vụ gọi Bác là “cái đồng hồ” chính xác. Bác đã hẹn ai là Bác đến đúng giờ. Một lần xe đưa Bác đi trên đường, trời đổ bão, cây cối ngổn ngang, xe không đi được, Bác vẫn tìm cách đến đúng hẹn. Bác luôn giữ nếp sinh hoạt và rèn luyện. Khi về Hà Nội, hàng ngày đúng giờ Bác tập thêm môn quyền để nâng cao sức khỏe và trí tuệ. Bước vào cuộc trường kỳ kháng chiến, đi xe ô tô không tiện, Bác đi xe đạp, đi ngựa, để khi đi công tác hay hội họp được chủ động.

Bác rèn luyện để có thói quen làm việc khoa học. Nước nhà mới được độc lập, công việc nhiều, Bác sắp xếp thời gian hợp lý nên công việc bảo đảm đúng thời gian đặt ra. Bác vẫn dành thời gian để gặp mặt, tiếp xúc với

đồng bào, các đoàn thể, viết báo tuyên truyền cách mạng, vẫn có phút giây thanh thản thả tâm hồn với những vần thơ. Ung dung tự tại là một phong cách, một lối sống Hồ Chí Minh. Trí tuệ mẫn tiệp ở Bác cũng do dày công khổ luyện. Sau cách mạng Tháng Tám, thế nước “nghìn cân treo sợi tóc”, mỗi quyết định của Bác có ảnh hưởng đến sự sống còn của sự nghiệp cách mạng, tồn vong của dân tộc. Việc quản lý một nhà nước, đối với Bác cũng như những người đồng sự, chưa có truyền thống kinh nghiệm, nhưng nhờ có kiến thức tổng hợp tin dân và dựa vào dân, nên con thuyền cách mạng vượt qua thác ghềnh cập bến thắng lợi. Nhờ dày công rèn luyện đã hình thành ở con người Bác một sức mạnh cảm hóa mãnh liệt, tự nhiên. Cảm hóa mọi trái tim, mọi tính cách con người. Những người đứng về phe chống đối cũng phải thừa nhận: “Ông Hồ là người đối thủ chứ không phải kẻ thù”. Giáo sư Pôn-muýt, người nhận sứ mệnh đến thuyết phục Bác, cũng bị chính sức mạnh cảm hóa của Bác thuyết phục. Năm 1945, những tình báo chiến lược của Mỹ vào Việt Nam để thuyết phục “lực lượng Việt Minh” của Hồ Chí Minh vào quỹ đạo hoạt động của họ, nhưng rồi chính họ lại trở thành những người tuyên truyền cho Việt Minh. Một chiến sĩ cách mạng “bất hợp tác với cộng sản” khi gặp Bác rồi trở thành người tri kỷ với lý tưởng mà dân tộc Việt Nam đang thực hiện. Hiện thân Bác là da thịt, nhưng các tín đồ tôn giáo tôn vinh Bác như vị Thánh hiền của họ. Bác có được thiên năng đó là do rèn luyện mà nên.

Ở Bác, sống là một cuộc đấu tranh. Khi ốm đau Bác tự chịu đựng, không làm phiền đến người khác, ngược lại còn động viên những người xung quanh. Hồi ở Tân Trào Bác ốm nặng, thuốc thang cứu chữa một phần nhưng điều quan trọng là ý chí, sức chịu đựng và lòng

tin đã giúp Bác vượt qua cơn hiểm nghèo. Bác ốm mê man nhưng khi tỉnh dậy Bác nói chuyện hỏi han những người xung quanh, nếu ngồi được là Bác gượng ngồi, tập khởi động rồi làm việc. Có những cuộc họp quan trọng Bác không đi được phải căng, Bác cũng yêu cầu đến dự, phát biểu ngắn gọn trong hơi thở, nhưng Bác nói rõ ràng, rành mạch. Họp hội đồng Chính phủ, tuy rất mệt nhưng Bác vẫn đến dự, suốt cuộc họp Bác phải ngồi tựa vào cột nhà. Khi đau ốm nhẹ không ai biết Bác ốm. Chỉ khi Bác không đi lại được mới biết Bác ốm nặng. Không bao giờ Bác kêu ca phàn nàn bộc lộ vẻ mệt nhọc ra ngoài. Chỉ có bộc lộ niềm vui phấn khởi, sự đồng cảm để truyền thêm sức mạnh tinh thần cho đồng chí, đồng bào.

Bác tự nhận Bác có thói quen xấu là hút thuốc lá. Năm 1966, do sức khỏe giảm sút, bác sĩ đề nghị Bác bỏ thuốc, Bác nói: “Bác hút thuốc từ lúc còn trẻ, nay đã thành thói quen, bây giờ bỏ thì tốt nhưng không dễ, các chú phải giúp Bác bỏ tật xấu này”. Rồi Bác tự đề ra chương trình bỏ thuốc dần dần, lúc đầu giảm số lượng điếu hút trong ngày, trong giờ. Khi thèm hút lắm Bác làm một việc gì đó để thu hút sự chú ý, tập trung tư tưởng để bớt đi cơn nghiện. Tuổi già làm việc đó thật quá vất vả, tập một thói quen, bỏ một thói quen không dễ chút nào, phải có một nghị lực phi thường như Bác mới làm được. Bác tìm một lọ thủy tinh nhỏ để trên bàn, lấy một điếu hút một nửa, còn nửa kia Bác giụi vào lọ thủy tinh, có lúc Bác nói vui: “gái một con, thuốc ngon nửa điếu”. Dần dần một điếu Bác chỉ hút một hơi rồi dụi vào lọ thủy tinh. Bác hút thưa dần rồi sau bỏ hẳn. Còn chuyện uống rượu cũng vậy. Bác uống rượu không nhiều, không uống loại quá mạnh, uống một ít trước bữa ăn cho ngon miệng, hoặc khi có khách quý. Khi tuổi già sức khỏe yếu, Bác tập bỏ thuốc và bỏ luôn cả rượu. Cũng

như bỏ thuốc, bỏ rượu Bác cũng làm từ từ. Bác để chai nước uống trên bàn, Bác nói vui: chai “Vốtka” của Bác đấy. Khi bỏ được thuốc, được rượu Bác làm thơ kỷ niệm:

Thuốc kiêng rượu cũ đã ba năm,

Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần...

Tuổi cao thường run tay khó viết, nhưng Bác viết nhiều, viết khỏe là nhờ rèn luyện thường xuyên, Bác có thói quen vừa đọc sách vừa luyện gân bàn tay bằng cách bóp hai hòn cuội trắng có từ ngày chiến khu.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng Bác đi nhiều nên rèn luyện cho mình một sức khỏe dẻo dai, nhanh nhẹn. Có lần đến thăm núi Tam Đảo, đồng chí dẫn đường muốn Bác đi theo con đường dễ đi; biết ý, Bác đi nhanh lên trước đến chỗ khó đi Bác cởi dép, mặc quần ngắn cho đỡ vướng, Bác leo dốc, cánh thanh niên theo không kịp. Năm 1958, Bác sang thăm Ấn Độ. Có ngọn tháp cao chưa có nguyên thủ quốc gia nào dám lên đến đỉnh. Bác leo nhanh lên đến đỉnh trước, Bác vẫy tay chào mọi người trước sự ngạc nhiên thán phục về sức dẻo dai của Bác.

Hàng ngày Bác dành thời gian nghỉ ngơi, đi bách bộ, Bác đi nhanh, đồng chí bảo vệ đi với Bác cũng khó theo kịp. Những năm cuối đời, chân bị tê thấp, Bác tập đi từng bước, đến một ghế đá Bác nghỉ tạm bằng cách ngồi tọa tĩnh tập khí công, rồi lại từng bước đi tiếp. Bác tập nhảy cao, Bác trồng một bờ cây râm bụt, hàng ngày Bác tập nhảy qua, ngày ngày cây lớn cao dần và Bác cũng nâng dần sức bật độ cao. Kiên trì tập nên Bác nhảy được khá cao, thanh niên nếu không tập nhảy cao chắc chắn thua Bác. Năm 1960, Bác bị rối loạn tuần hoàn não mức độ nhẹ, nửa người bên phải bị liệt. Bác kiên trì luyện tập, kết hợp xoa bóp nên đỡ dần. Bác dùng gậy tập đi, điều độ đúng mức, đúng phương pháp nên chức năng

thần kinh dần dần được phục hồi. Khi có thể đi lại được, Bác ít dùng gậy, vì theo Bác dùng gậy hay có thói quen ỷ lại. Khi tay bị yếu giờ lên khó khăn, Bác lấy bức tường làm chuẩn tập nâng dần mỗi ngày một ít, dần dần tay giờ được cao. Bác tập phản xạ bằng cách ném, bắt bóng. Bác để cái rổ xa rồi ngồi tập ném bóng vào rổ, lúc đầu gần sau tập ném xa hơn.

5 giờ chiều ngày 12-8-1969, gió mưa lất phất, Bác bảo đi Hồ Tây thăm các đồng chí vừa ở hội nghị Paris về, các đồng chí bảo vệ sức khỏe can ngăn, đề nghị Bác mời các đồng chí đến. Bác bảo các chú ấy vừa mới về đang mệt nên ta lên thăm và luôn tiện hỏi tình hình Hội nghị và tình hình miền Nam. Hôm đó Bác về đến nhà thì ho và sốt. Các bác sĩ chẩn đoán Bác bị viêm phổi và quyết định dùng thuốc kháng sinh liều cao để dứt viêm phổi. Nhưng do tuổi già, đến tối 24-8 Bác bị cơn đau vùng tim. Ghi điện tim biết được Bác bị nhồi máu cơ tim thành sau. Bệnh tình ngày một nặng thêm. Các đồng chí trong Bộ Chính trị đến thăm, ngày nào Bác cũng nói sức khỏe Bác khá hơn hôm qua. Hàng ngày, khi đồng chí Võ Nguyên Giáp vào báo cáo tình hình miền Nam Bác mới yên tâm. Tuy mệt nằm một chỗ, khi nào mới ở vai Bác mới yêu cầu xoa bóp, Bác không hề kêu ca. Những ngày cuối ai vào thăm cũng lo lắng. Muốn phá tan không khí lo lắng đó, Bác bảo cả phòng không có lọ hoa, anh em đưa vào bó hoa hồng, Bác không thích. Chị Hà, vợ đồng chí Võ Nguyên Giáp đưa vào bó hoa huệ, loại hoa Bác yêu thích thường ngày. Bác bảo các cô y tá thay phiên hát cho vui. Bác dặn ngày 2-9 tổ chức long trọng, bắn pháo hoa để đồng bào vui. Bác biết ngày mình mất nhưng vẫn truyền niềm vui lạc quan cho người khác. Cả cuộc đời Bác là thế, không chỉ đem độc lập, tự do, cơm no áo ấm về cho dân tộc mà còn cả niềm vui trọn vẹn cho mọi người. Bác mãi mãi trường tồn trong lòng nhân dân là thế.

NÂNG NIU TẤT CẢ, CHỈ QUÊN MÌNH

Một lần một người bạn nước ngoài hỏi Bác về tài sản riêng, Bác vui vẻ chỉ đàn cá Bác đang cho ăn và nói: “Đây là tài sản của tôi”. Bác sống trọn cuộc đời cống hiến, ra đi không để lại chút gì riêng tư, từ nguồn vui gia đình - sản phẩm tinh thần quý giá của con người bình thường, đến tài sản vật chất.

Suốt cuộc đời Bác chỉ nghĩ đến giải phóng những người lao động cần lao, nghĩ đến nhân dân mình, dân tộc mình. Lo từ việc nhỏ bình thường đến việc đại sự quốc gia. Quan tâm từ miếng ăn cho người nghèo đến sự thái bình cho dân tộc. Nhớ hồi làm phụ bếp bên Anh, khi rửa bát đĩa, Bác để riêng những thức ăn thừa còn lại, gói vào một gói, khi về mang ra cho những người nghèo khổ ăn xin ngoài đường. Khi dự tiệc chiêu đãi ở Paris, ra về Bác dành quả táo cho em nhỏ. Khi mùa hè đến, mồ hôi thấm áo, Người nghĩ đến những chiến sĩ phòng không trên trận địa nóng bỏng. Khi đi công tác ở nước ngoài, được biết có loại cây lá xanh quanh năm không rụng lá, Bác nghĩ tới chị lao công đêm đêm vất vả quét lá nên Bác khuyên tìm cách đưa loại cây ấy về nước. Khi đi thăm hồ Suối Hai thấy nhà nghỉ của Tỉnh ủy xây to đẹp, Bác bảo phải lo xây nhà cho nhân dân lao động trước. Lúc đi công tác xa lâu ngày Bác nghĩ đến những người phục vụ mình ở nhà, Bác dặn những ngày Bác đi xa các chú tranh thủ về thăm quê hương gia đình. Đối với người phục vụ Bác

quý trọng xem như những người thân thiết nhất, Bác không có gia đình riêng nên họ là những người gần gũi với Bác như những người ruột thịt. Đầu tháng 5-1948, đồng chí Lộc, người nấu ăn cho Bác, không may bị sốt rét ác tính mất. Bác thương xót và đã khóc như mất đi một người ruột thịt. Đến ngày kỷ niệm sinh nhật Bác, anh em tìm một bó hoa rừng chúc mừng sinh nhật Người. Trong phút giây xúc động, Bác rơm rớm nước mắt:

- Cảm ơn các chú, nhưng bó hoa này ta mang ra đặt lên mộ đồng chí Lộc.

Và Bác kể cho mọi người nghe về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lộc. Đồng chí vốn là Việt kiều ở Thái Lan, gặp Bác bên đó, đồng chí đã đi theo giúp việc Bác. Hai người thường quây hai bồ thuốc giả làm người đi bán thuốc rong, đi đến nơi có bà con Việt kiều để tuyên truyền cách mạng. Bác sang Trung Quốc, đồng chí Lộc cũng theo sang, rồi cùng về nước với Bác. Đồng chí lo công việc ăn uống cho Bác. Hồi đó sinh hoạt khó khăn, có lúc phải ăn ngô bung, hoặc cơm độn ngô, đồng chí Lộc bao giờ cũng dành phần nhiều cơm cho Bác. Bữa nào đồng chí cũng chặt lấy nước cơm đặc xem như thứ chất bổ duy nhất nài nỉ Bác uống cho kỳ được. Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí xung phong ở lại xây dựng công binh xưởng cho cách mạng. Theo Bác hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tới khi cách mạng thành công đồng chí Lộc vẫn an tâm vui vẻ làm một công việc hết sức bình thường - nấu cơm cho Bác.

Phục vụ Bác có nhiều anh em dân tộc ở Cao Bằng. Có đồng chí được một thời gian nhớ nhà và cũng vì hoàn cảnh gia đình nên xin Bác cho về giúp gia đình. Bác rất muốn đồng chí cùng ở lại nhưng vì hoàn cảnh gia đình và ý nguyện của họ, Bác đồng ý. Khi có ai đi công tác lên

vùng đó Bác nhờ ghé vào thăm, nhắc nhở địa phương giúp đỡ đồng chí khi gặp khó khăn. Thời gian ở Pắc Bó có lần Bác nhận được gói quà có đường và lạc. Bác cho làm kẹo và bảo đồng chí Cáp mang vào trong bản phân phát cho các cháu. Mọi người rất muốn để lại cho Bác bồi dưỡng, biết ý Bác nói: “Người già nên để kẹo cho các cháu”. Trước lý lẽ đó của Bác, đồng chí Cáp phải mang kẹo vào cho các cháu. Hồi ở Tân Trào, đồng chí Thắng mới được cử về phục vụ Bác. Đồng chí chỉ có một bộ quần áo vải mộc. Khi làm việc với Bác đồng chí cố nén không ho, nhưng vừa ra khỏi nhà đồng chí ho rũ rượi, thấy vậy Bác bảo: “Chú Thắng ồm à? Sao trông người chú khác thế”. Nói rồi Bác đứng dậy lấy chiếc áo trấn thủ của mình đưa cho đồng chí và dặn: “Chú mặc tạm cho đỡ lạnh, mùa đông cốt nhất phải giữ ngực cho ấm”. Đồng chí Thắng ngần ngại không dám cầm, vì thấy Bác không có áo ấm tốt mà Bác cũng phải mặc độn nhiều áo. Thấy vậy Bác giục rồi Bác hiền từ giúp đồng chí cài từng chiếc nút áo. Có lần Bác đến thăm đồng chí Lê Trọng Tấn, gia đình làm bánh mời Bác, Bác ăn một miếng thấy ngon, Bác xin một ít mang về cho anh em phục vụ. Hồi ở Việt Bắc, kỹ sư Trần Đại Nghĩa dồn hết trí tuệ và tâm huyết để nghiên cứu vũ khí mới cho quân đội. Biết kỹ sư thường làm việc ban đêm, có khi làm việc suốt tới sáng, lại nghiện thuốc lá, Bác dành một phần thuốc của mình đến biếu kỹ sư. Sau đó Bác chỉ thị cho hậu cần dù khó khăn cũng cố tìm thuốc lá đủ hút cho kỹ sư. Có lần về ban đêm đồng chí bảo vệ đứng gác nơi ở của Bác, không may trượt chân rơi xuống hầm tránh máy bay. Nghe tiếng động Bác vội chạy ra, không kịp đi dép và mặc áo ấm, Bác giúp đồng chí lên khỏi miệng hầm, Bác nắn bóp chân cho đồng chí ấy rồi ân cần bảo: “Chú cứ ngồi yên cho đỡ đau, để Bác gác cho”. Đồng chí cảm động nói

không nên lời, chỉ biết làm theo. Về mùa đông Bác ở gác hai trên nhà sàn nên gió lạnh, cơ quan tìm cho Bác chiếc lò sưởi điện, một lần vào lúc nửa đêm gió lạnh, Bác thức giấc dậy nghe tiếng người gác ho phía dưới. Bác cầm chiếc lò sưởi điện và tự tay nối dây điện từ trên gác hai xuống cho đồng chí bảo vệ, và nói: “Bác nằm trên nhà đã có chăn đắp ấm rồi”. Có lần lúc buổi trưa, thấy đã quá giờ đổi gác bình thường, Bác mang chuối xuống mời, đồng chí bảo vệ thưa với Bác đang bận gác không đặt súng xuống được, xin Bác lúc khác. Bác bảo đưa súng Bác cầm gác cho: “Ăn đi kéo dỏi, cốt là ăn lúc này”. Đồng chí Tùng vừa được chuyển từ một đơn vị ở chiến trường về làm nhiệm vụ bảo vệ Bác. Một hôm Bác đang cho cá ăn, đồng chí đứng gác từ xa. Bác gọi lại hỏi thăm sức khỏe, gia đình vợ con... Bác nói: “Thế là chú về chỗ Bác được ba tháng rồi đấy nhỉ? Dạo này chú đã hết sốt rét chưa?” Đồng chí Tùng rất cảm động, không ngờ Bác bận trăm công nghìn việc mà vẫn chú ý đến một chiến sĩ bình thường như mình. Bác không những nhớ mặt, nhớ tên từng người mà còn hiểu rõ hoàn cảnh gia đình, tâm tư tình cảm của họ, Bác không những quan tâm đến đời sống sinh hoạt hàng ngày mà còn lo lắng tới sự tiến bộ trong công tác của từng người. Bác thường nhắc nhở mỗi người mỗi việc cố gắng tiến bộ không ngừng. Bác ân cần hỏi đồng chí Tùng: “Chú về đây đã khá lâu, thế chú có biết cầu thang lên xuống nơi cạnh chú đứng có mấy bậc?”. Những việc tưởng bình thường nhưng đối với người công an, bảo vệ càng cần phải tỉ mỉ, sâu sát, cụ thể. Một đêm, lúc khoảng hai giờ, mưa phùng gió bắc, Bác thức giấc đi xuống cầu thang đến cạnh đồng chí bảo vệ, Bác hỏi: ‘Chú gác từ mấy giờ, chú mặc thế có đủ ấm không?’ Bác ân cần đến gần sửa lại vành mũ và kéo lại cổ áo cho kín và bảo: “Lần sau chú gác đêm giá lạnh nhớ

đi giày, nếu đi dép phải có tất cho đủ ấm, đi dép chân không đem sương giá lạnh dễ bị ốm”.

Thời gian sau ngày giải phóng, mới về Hà Nội, nhân ngày Tết cổ truyền, các đồng chí bảo vệ, phục vụ mang bó hoa đến chúc Tết Bác, Bác rất vui và nói: “Các chú khéo vẽ chuyện, Bác và các chú sống bên nhau hàng ngày việc gì phải hoa. Từ nay các chú tăng gia được rau, xu hào, bắp cải, Tết đến chọn mấy cây đẹp cho vào chậu cảnh mang tới biếu Bác, Bác sẽ để trước cửa phòng khách, khách đến Bác sẽ giới thiệu của các chú biếu Bác, thế là Bác có quà tặng, các chú lại được Bác tuyên truyền cho. Hết Tết các chú lại mang về chén, như vậy chẳng mất gì cả”. Từ đó thành thông lệ, hàng năm Tết đến anh em chọn 4 cây bắp cải, 4 cây xu hào loại to đẹp nhất mang tới chúc Tết Bác. Những cây xu hào, bắp cải xen lẫn với gốc quất, gốc đào góp thêm thi vị bên ngôi nhà Bác ở. Nhớ lại đầu năm 1946, nơi nghỉ của anh em bảo vệ Bác ở Bắc Bộ phủ, về mùa hè nóng ẩm vì ở nhà kho cũ chật chội. Thấy thế, Bác cho lên phòng khách ngủ cho thoáng mát. Ở phòng khách anh em sợ ý làm vỡ mặt đá của chiếc bàn lớn. Đồng chí cán bộ phụ trách cầu gát nặng nề và không cho anh em lên đó ngủ nữa. Bác nghiêm khắc bảo: “Cái bàn quý hơn hay là anh em chiến sĩ quý hơn? Vỡ sau ta tìm cái khác, chỉ cần giáo dục anh em có ý thức bảo vệ của công. Chú mở cửa cho anh em vào ngủ tiếp”. Tuy bận nhưng Bác vẫn thường xuyên xuống nhà bếp, khu vệ sinh để kiểm tra xem có sạch sẽ không, bữa ăn có những món gì phải mua, món gì tăng gia cải thiện được. Nhớ ngày Tết cuối cùng của Bác, Bác và Bác Tôn chụp ảnh chung với anh em trong đội bảo vệ có đồng chí Cương ít tuổi nhất được Bác rất quý. Trước khi chụp ảnh Bác gọi: “Viên kim cương của Bác đâu, lại đây đứng bên Bác”. Bác quan tâm từ cái lớn, sâu sát từ

cái nhỏ đời thường của anh em. Ở chiến khu Việt Bắc, tối ngủ anh em thường để dép lộn xộn, khi báo động hoặc sáng dậy lần dép lung tung. Trước khi ngủ Bác đi kiểm tra một vòng, sắp xếp lại gọn gàng đôi nào đôi nấy, sáng ra ai cũng ngạc nhiên, sau mới biết tối qua Bác kiểm tra và xếp lại. Từ đó trở đi nội vụ từ đôi dép đến đồ dùng cá nhân anh em đều sắp xếp ngăn nắp.

Bác đi thăm nhiều nơi, nhưng không qua loa đại khái, Bác quan tâm đến tập thể nhưng không quên cái nhỏ nhặt của người dân. Bác không những rất ghét tội tham ô ăn cắp của dân mà còn phê bình gay gắt bệnh hình thức, dối cấp trên lừa dân. Bác đến thăm một cơ quan thấy đèn trang trí từ cổng vào nhà hội trường sáng trưng, xung quanh khẩu hiệu đèn xanh đèn đỏ lòe loẹt, Bác đi thẳng vào nơi ăn ở, khu vệ sinh của cán bộ thấy tối tăm chật chội. Cho tập trung cán bộ chủ chốt trong cơ quan Bác chỉ nói: “Các chú không thương quần chúng”. Khi duyệt các chủ trương, chỉ thị Bác sửa chữa nhiều lắm, chú ý nhiều nhất ở chỗ có quan tâm đến lợi ích, đời sống sinh hoạt của quần chúng hay không. Có lần đồng chí Nguyễn Tạo lên báo cáo Bác về phong trào trồng cây. Khi nghe xong, được biết các cụ có thành tích rất lớn, Bác hỏi: “Thế công xá đối với các cụ thế nào?”. Đồng chí Tạo trả lời Bác: “Thưa Bác, các cụ ăn theo công điểm của hợp tác xã ạ”. Bác hỏi cụ thế và được biết các loại cây như nhãn, vải, cam, quýt... khi thu hoạch các cụ không được hưởng phần nào, Bác phê bình. Đồng chí thưa với Bác sẽ về nhắc các địa phương dành một phần thu hoạch biếu các cụ. Bác nói ngay: “Không phải biếu mà các cụ có quyền hưởng, người nào làm nhiều hưởng nhiều, hợp tác xã chia cho các cụ như vậy là không công bằng, không theo nguyên tắc phân phối lao động xã hội chủ nghĩa - ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng

ít". Năm 1963, Bác về thăm tỉnh Vĩnh Phú, trên đường rẽ vào một gia đình nông dân. Gặp bà cụ già, Bác hỏi thăm sức khỏe và kinh tế, cụ thưa gia đình có 5 người được chia 3 tạ thóc, Bác hỏi: "Thế có đủ ăn không?", cụ già chưa kịp trả lời thì một đồng chí trong Tỉnh ủy trả lời: "Thưa Bác, đây mới là hợp tác xã chia tạm chưa phải chính thức". Bác phê bình ngay: "Bác có hỏi chú đâu mà chú trả lời". Như được thêm chỗ dựa lòng tin, cụ già thưa thật với Bác hàng năm nếu ăn uống theo định lượng tằn tiện, độn thêm ngô sắn thì cũng tạm đủ. Rồi Bác bảo đồng chí có trách nhiệm nghe nói để tính toán lại cho sát, đừng để dân quá vất vả thiệt thòi. Nhà nước phải lấy phục vụ dân làm chính. Năm 1960, Bác ra thăm đảo Tuần Châu (vịnh Hạ Long), khi ca nô vừa rời bến thì trong bờ có tiếng vọng ra: "Sao các ông không cho tôi gặp Cụ Hồ". Biết chuyện, Bác cho ca nô quay lại, trên bờ một cụ già trên 70 tuổi bị mù, Bác vội chạy đến chỗ cụ và nói: "Thưa cụ, tôi đây, cụ có khỏe không?" Nghe tiếng Bác, cụ già đứng không vững nữa, khụy xuống trên cánh tay nâng đỡ của Bác: "Bác đây ư, Bác Hồ, tôi được gặp Bác thật ư!" Đôi bàn tay xương xẩu của cụ già vuốt trên cánh tay, trên vai Bác, dòng nước mắt trào ra từ đôi mắt mù lòa của cụ chảy xuống hai gò má nhăn nheo. Bác đứng lặng hồi lâu, xúc động. Mọi người đứng lặng cảm động trước tình cảm của hai con người. Một lần đến thăm bệnh viện Bạch Mai, mọi người ra đón và tặng hoa, Bác nhận bó hoa rồi đến tặng một cụ già đang trông xe đạp ở cổng bệnh viện. Bác bảo với cụ và mọi người: "Cụ trông xe đạp cũng rất quan trọng, nếu mà trông không cẩn thận mất xe đạp của các cô các chú, hỏi có ai an tâm công tác không?" Một lần đến thăm nhà máy thấy cô công nhân đang chạy máy để bộ tóc dài, Bác ra hiệu dừng máy đến gần ân cần nhắc: "Cháu là gái, khi lao động vấn

tóc lên và đội mũ bảo hiểm để bảo đảm an toàn “bộ tóc là góc con gái”. Lần đi thăm Vĩnh Phú, trên đường thấy hai chị em ăn mặc rách rưới, dắt tay nhau đi, Bác cho dừng xe hỏi chuyện hai chị em về hoàn cảnh gia đình, bố mẹ, được biết bố hai em đi bộ đội, Bác hỏi ăn có đủ không, trưa, sáng ăn gì, cùng lúc đó có đồng chí tự xưng là cán bộ xã nhanh nhẩu trả lời thay hai em, Bác nhắc nhở: “Bác có hỏi chú đâu, nếu chú là cán bộ xã thì tại sao lại để con cái người đi bộ đội phải ăn mặc đói rách thế này?” Dọc đường, thấy cột mốc cây số chỉ ghi rõ chữ số 65 còn chữ địa danh bị mờ, Bác nhắc nhở cán bộ giao thông phải chú ý để sửa lại. Đi qua Cổ Nhuế, thấy dân bón rau dùng phân tươi, Bác nhắc phải đề phòng ruồi, bệnh tật, vệ sinh. Đến trạm bơm Chèm, thấy chân đê bị sụt lở, Bác nhắc trồng tre để bảo vệ đê. Khi giải quyết các vụ tranh chấp đất đai nhà cửa, các đồng chí phân tích người này sai, người kia có khuyết điểm. Bác kết luận, do chỗ ở quá chật chội nên mới sinh ra tranh chấp, chứ có phải người ta ghét bỏ nhau đâu. Khi đến thăm nhà dân nơi chật chội, ổ chuột, bẩn thỉu, Bác phê bình gay gắt cán bộ không sâu sát dân, quan liêu, không thương dân, phải tìm mọi cách vận động, tổ chức bà con dọn vệ sinh, sửa sang nhà cửa, lôi ra vào và phối hợp với cơ quan chức năng lo nhà cho dân. Khi về thăm nông dân, Bác xuống tận các gia đình để biết mức sống của dân chứ không nghe hoàn toàn các báo cáo. Thăm xã Nam Chính, Bác vào nhà anh Giao một nông dân lao động cần cù, đứng ngoài sân, Bác hỏi mấy câu chuyện làm ăn sinh hoạt đời sống rồi vào nhà xem vại gạo, cút thóc, vòng ra phía sau xem chuồng lợn, nhà vệ sinh, thấy hai con lợn đang ăn, Bác khen lợn đẹp, giống lợn thẳng lưng mông to chắc chổng lớn, rồi Bác xem giếng nước, nhà tắm, Bác nhìn xuống giếng và bảo: “Giếng nên

có nắp đây, vừa sạch vừa đề phòng tai nạn”. Xem nhà tắm Bác khen xây thế này là tốt, nhưng nên đơn giản hơn trong lúc ít gạch, nhà nào không có gạch nên làm bằng cốt, trồng cây râm bụt xung quanh, khi cốt hỏng thì râm bụt đã tạo thành nhà tắm kín đáo mà đẹp.

Nhiều lúc Bác muốn đi dã ngoại bí mật, vừa thăm dân được lâu, rõ hơn và thay đổi không khí. Bác bảo đồng chí phục vụ chuẩn bị thức ăn, không nói với ai, sáng đi sớm không mang theo bảo vệ và quay phim, chụp ảnh. Hành trình Bác định trước đến đâu thăm nơi nào, nghỉ ăn cơm ở đâu, mấy giờ về... Bác thấy đi như vậy thoải mái, thích thú, lại đỡ tốn thời gian và tiền bạc. Một lần Bác về thăm một tỉnh nghèo, cán bộ tỉnh tổ chức liên hoan linh đình đón Bác, Bác bảo: “Các chú làm thế này thì lần sau dân không ai mong Bác về nữa, các chú cho công an, bộ đội đứng gác khắp nơi làm dân họ sợ không dám đến gần Bác. Mà dân có đến cũng là do các chú sắp đặt, nên không tự nhiên vui vẻ”. Đến thăm vào mùa rét Bác đội mũ lông, quần khăn kín, hôm đó các đồng chí quay phim nhiếp ảnh đông, Bác nói vui: “Hôm nay Bác không biểu diễn đâu, các chú chẳng có làm ăn được gì”. Hôm đó vui kể chuyện, một bác sĩ người ở đồng bằng sông Cửu Long kể rằng ở trong đó có những con tôm to bằng bắp tay, đồng chí Vũ Kỳ không tin, Bác cười góp vui: nghe nói Đồng Tháp Mười có muỗi to lắm, muỗi đậu ngoài màn người nằm trong màn nắm được chân nó, nó giãy hai cánh đập như hai cái quạt máy mát lắm. Mọi người được phen cười vui vẻ.

Tết năm 1966, Bác về thăm tỉnh Thái Bình. Ngày 30 Tết, Bác đi thăm và nói chuyện một số nơi. Đêm 30 Tết, Bác tranh thủ làm việc, liên quan đến chương trình mừng Một Tết. Gần đến Giao thừa đồng chí phục vụ mời Bác đi nghỉ. Bác bảo: “Còn ít phút nữa bước sang năm

mới, công việc của năm cũ không nên để lại”. Xong công việc, thời gian đã chuyển sang năm mới, biết phòng bên có nhiều người thức dậy đón năm mới, Bác xách đèn bão sang thăm và chúc Tết mọi người, sau đó Bác trở về làm việc tiếp. Về thăm tỉnh lần thứ năm, Bác bảo Thái Bình là tỉnh 5 tấn, Bác đã về 5 lần, nếu thêm nhiều tấn nữa Bác sẽ về nhiều nữa.

Lòng tin ở nhân dân trong Bác là tuyệt đối, Bác bảo nếu trong dân còn người xấu, họ chưa yêu cách mạng thì cách mạng phải tỏ rõ lòng khoan dung, thuyết phục chứ tuyệt đối không bắt ép. Có lần Bác về thăm tỉnh Yên Bái, các đồng chí bố trí mít tinh đón Bác trong doanh trại tỉnh đội, Bác không đồng ý, Bác nói, mít tinh đón Bác không nên làm trong đơn vị bộ đội, các chú canh gác cẩn mật thì ai dám vào, vả lại nếu mọi người vào được thì còn đâu là cẩn mật. Theo ý Bác nên chọn chỗ nào thuận tiện để mọi người đến được, thành phần đến tham dự là toàn dân. Các đồng chí bảo vệ cứ bắn khoản sợ kẻ xấu lẫn vào; biết được ý nghĩ đó, Bác nói: “Những người xấu cũng cho họ vào, nếu không cho họ nghe chuyện thì làm sao họ giác ngộ được, họ sẽ không làm điều gì xấu đâu”. Lần về thăm mỏ Quảng Ninh, công nhân phấn khởi chạy ào ra đón Bác, có chị cũng vội bế con chạy ra đón Bác, vì vội quá nên không kịp thấy trong tay con mình cầm vật gì. Thấy hai mẹ con chạy vội, Bác ôn tồn: “Đi từ từ kéo ngã”. Bác tiến lại gần hai mẹ con, nhẹ nhàng gỡ con dao nhỏ trên tay đứa bé rồi đưa cho chị và ân cần dặn: “Đừng cho trẻ con chơi dao, nguy hiểm”. Đi thăm đảo Vạn Hoa, Bác hỏi các chiến sĩ có được xem phim, xem văn nghệ thường xuyên không, các chiến sĩ trả lời Bác là 6 tháng được xem phim một lần, còn văn nghệ thì chưa lần nào. Bác quay sang đồng chí Lê Trọng Tấn nói: “Hôm nay có ông tướng đi cùng đây, “ông” nghĩ

thế nào?” Đồng chí thưa với Bác là sẽ sửa chữa khuyết điểm, Bác nói ngay: “Chú hứa chung chung quá”, đồng chí hứa với Bác là 6 tháng một lần xem văn công, còn 3 tháng một lần xem phim, Bác gật đầu, cười đồng ý.

Ban Việt Kiều đưa lên Bác kế hoạch đón Việt kiều ở Thái Lan về nước. Bác phê bình là chỉ chú trọng đến lễ đón tiếp chứ không chú ý bố trí công ăn việc làm, nơi ăn ở cho người về nước. Bác chỉ thị phải có biện pháp cụ thể cho tương lai của kiều bào, sử dụng hợp lý khả năng chuyên môn, công việc của họ, tổ chức trường học cho con em Việt kiều.

Bác giáo dục cán bộ: đối với nhân dân không được phân biệt, cách biệt, không được có thái độ cho dân vùng này tốt nơi kia xấu, ở đâu, người nào cũng phải bình đẳng, tôn trọng, yêu quý nhân dân thì họ mới yêu quý cán bộ. Đối với dân tộc ít người, tôn giáo hay Việt kiều về nước, tinh thần đại đoàn kết của Bác luôn luôn được mọi tầng lớp, mọi giới ủng hộ.

Bác đến thăm huyện Mường Tè, nơi xa xôi của tỉnh Lai Châu. Thấy nhân dân còn cực khổ, lạc hậu, Bác đi bộ xuống tận bản làng nơi nhân dân đang sống theo tập quán cũ, Bác bảo, chúng ta có Đảng, có Chính quyền nhưng chưa mang ánh sáng văn minh đến những vùng cao như ở đây, chúng ta còn có lỗi với dân. Rồi Bác chỉ thị cho cán bộ địa phương phải có biện pháp cụ thể giúp đỡ đồng bào cải thiện đời sống, lối sống, để họ dần dần tiến kịp miền xuôi, có như vậy cách mạng mới thực sự của toàn dân, công bằng với mọi nơi. Năm 1957, Bác về thăm Đồng Hới, khi được biết nguyện vọng của đại biểu Phật giáo, Thiên Chúa giáo xin được thăm Bác, mặc dầu chương trình rất nhiều, Bác bảo, gặp cán bộ cốt cán, đảng viên thì lúc nào cũng được, bây giờ các chú để Bác được gặp các cụ. Bác đi bộ đến chỗ các cụ đã tập trung

đóng đủ, lúc đó có một bà cụ thay mặt mọi người mang bó hoa lên tặng Bác, Bác sung sướng cầm bó hoa và cảm ơn, rồi nhanh nhẹn tách bó hoa làm đôi đi đến tặng cho sư Phổ Minh và cha cố Thông. Những người có mặt lúc đó ai cũng cảm động và quý phục phong cách linh hoạt tài tình của Bác, một biểu hiện đoàn kết tôn giáo cao quý đẹp đẽ, cử chỉ đó của Bác đã nói bao điều mà ai cũng hiểu, ghi nhớ sâu sắc. Hai lần về thăm quê hương Nghệ An, Bác đều đến thăm Hội Phật giáo, sư bà Thích Diệu Niệm tặng Bác lẵng hoa làm theo 5 cánh “5 chân lý hợp nhất” và một bài thơ. Bác trân trọng nhận hoa và đọc thơ, xong Bác lấy bút đề tặng lại thơ cho nhà sư nữ và cho cả tăng ni Phật tử Nghệ An. Đến năm 1962, Bác đến thăm trường Hội Phật giáo, lúc đó sư nữ Thích Diệu Niệm cũng ra học, từ xa Bác đã nhận ra, Bác đến nói chuyện hỏi han công việc Hội Phật giáo Nghệ An, nhà sư tặng Bác bài thơ, ý trong bài thơ là làm tốt những điều Bác dặn khi hai lần về thăm quê, Bác vui vẻ bảo: “Như ri thì sư nhớ lời Bác dặn”.

Bác quý trọng nhân cách con người, dù người đó là ai, tầng lớp nào, bên Bác đâu một lần ai cũng cảm thấy giá trị của cuộc đời được nâng lên. Bác không bao giờ nói “cho” mà chỉ nói “biếu cô”, “biếu chú”, “tặng cô”, “tặng chú”... Bác không ngồi nghe khi người khác đứng nói, sẵn có ghế Bác mời cùng ngồi, nếu không có ghế thì cùng đứng. Có lần đến thăm bà con nông dân, có các cụ già đến nghe Bác nói chuyện không có ghế phải ngồi xuống đất, Bác bảo tìm ghế cho các cụ rồi Bác mới bắt đầu nói chuyện với mọi người.

Khi có chút quà ngon, Bác không dành riêng cho mình, mà đâu ít Bác cũng chia đều cho anh em phục vụ. Bác không quan niệm “lộc bất tận hưởng” một cách máy móc, mà xuất phát từ tấm lòng quý trọng con người. Có

đồng chí đi họp ở Paris về, mang biếu Bác gói kẹo mà ở bên Pháp Bác rất thích. Có kẹo ngon, lại hiếm, Bác đem chia đều cho mọi người, có người thấy kẹo của Bác chỉ có ít, muốn để dành cho Bác ăn, nên từ chối không dám nhận. Bác bảo: ít cũng phải chia đều, mỗi người hưởng một ít. Ở nhà sàn, buổi trưa xung quanh mọi người ngủ trưa yên tĩnh, có việc lên xuống, Bác ghì quả chuông treo ở cầu thang lên xuống cho nó khỏi kêu, làm ảnh hưởng đến giấc ngủ mọi người. Bác bận nhiều việc lớn của Đảng, của Nhà nước nhưng việc nhỏ Bác không quên, khi có anh em phục vụ đi phép, Bác đến gửi quà và gửi lời thăm sức khỏe gia đình, khi trả phép Bác đến hỏi han tình hình gia đình. Có đồng chí vì bận công tác không về thăm quê và gia đình được, khi người nhà lên thăm, Bác biết bao giờ Bác cũng gặp, nếu gặp vào đúng tối thứ bảy có phim, Bác mời xem phim. Có một lần trong buổi xem phim, Bác thấy một cụ già ngồi xem, lúc đó hỏi thăm không tiện, sau Bác hỏi đồng chí Vũ Kỳ cụ già xem phim là ai mà không báo để Bác biết tiếp chuyện, được biết đó là bố của bác sĩ Mẫn (người bảo vệ sức khỏe riêng của Bác). Lúc đó cụ già đã lên đường về quê, vì không gặp được cụ, Bác gửi bác sĩ Mẫn một chai mật ong nhờ chuyển về làm quà biếu cụ. Cụ già ở quê rất cảm động khi đón nhận món quà quý giá của Chủ tịch nước gửi. Hàng năm đến tối 30 Tết, anh em không về quê đón Tết, Bác tổ chức gặp mặt tất niên, Bác thường bố trí Bác ngồi một bên bàn, còn Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi đối diện, anh em ngồi quây quần xung quanh, đêm giao thừa có hai Bác và anh em nên không khí trong Phủ Chủ tịch thêm ấm cúng không khí gia đình. Khi mọi người yên chỗ ngồi, Bác đi một vòng xung quanh kiểm tra xem còn thiếu ai. Nếu thiếu Bác dặn đồng chí cấp dưỡng để phân lại cho anh em đi vắng. Những anh em

ngồi cạnh Bác lúc đầu thường e dè, không tự nhiên, tay cầm đũa cứ lóng ngóng. Bác chủ động gấp thức ăn và động viên. Có khi Bác pha trò một câu gì đó tạo không khí vui vẻ, những lúc đó Bác hiện thân một người Cha bên đàn con yêu quý trong giờ phút thiêng liêng chuyển năm cũ sang năm mới. Xong buổi liên hoan Bác cùng anh em chụp ảnh lưu niệm và vui văn nghệ “cây nhà lá vườn”. Bác đi thăm nước ngoài nhiều lần, họ biếu Bác nhiều tiền và quà, Bác cho vào công quỹ hết, cái nào chia được Bác chia cho anh em. Mỗi lần đi nước ngoài về Bác thường mua quà kỷ niệm cho anh em phục vụ, khi đôi bít tất, lúc chiếc khăn hay gói kẹo.

Bác sống cuộc đời một vị Chủ tịch nước, nhưng mỗi người chúng ta đều thấy một phần cuộc đời mình trong đó, bởi vì Bác là hiện thân cốt cách dân tộc, là cái chung trong mỗi cái riêng.

Bác chu tất với mọi người, mọi việc, có lần Bác đi qua nhà ăn thấy đồng chí Lơ người nấu ăn cho Bác đang dùng cát để đánh xoong cho sạch, Bác rẽ vào bày cách đánh xoong nồi chống sạch lại không bị xước mòn. Hồi ở chiến khu khi đi trong rừng gặp trời mưa vất nhiều, Bác bày cho anh em cách dùng tàn thuốc lá để chống vất rất hiệu quả. Bác thường xuyên khuyên bác sĩ học cách chữa bệnh bằng thuốc Nam, ta là người Nam hợp với thuốc Nam, vì cha ông tổ tiên đã để lại kinh nghiệm quý báu đó, ta nên phát huy thêm. Bác kể chuyện hồi xưa Bác đi bộ từ Nghệ An vào Huế. Dọc đường chân bị sưng lên đau không đi được, nhờ xoa bóp bằng nước tiểu đỡ đau mới đi tiếp được. Khi về già, có lần Bác đau ở bả vai, bác sĩ cho chạy vật lý trị liệu mãi không khỏi, Bác lấy lá ngải cứu vò với nước tiểu xoa vào chỗ đau, chỉ mấy lần làm thấy giảm hẳn.

Đối với khách là người nước ngoài, nếu là người quen biết từ trước Bác tiếp không những trên cương vị Chủ tịch nước mà còn trên tình cảm anh em gần gũi, khách đến tuy là lần đầu Bác cũng rất chu tất, trước khi khách về nước, Bác đến thăm, gửi quà, hôm sau Bác lại đến chia tay. Bác bảo họ là khách, mình là chủ làm thế mới có tình nghĩa. Rồi Việt Nam, nhưng khách không quên Việt Nam có Bác Hồ, con người của mọi người. Một lần có vị quan chức của một nước đi thăm các nước láng giềng quanh ta, người này có cảm tình với Việt Nam. Lúc đó nước ta đang có chiến tranh, có người đến bàn với Bác, ta lấy cớ không có điều kiện tiếp nên không mời, Bác bảo: “Khi người anh em đi qua trước ngõ không mời vào nhà chơi là không lịch sự”. Bác đích danh mời vị đó vào thăm. Khi về nước, vị khách hết lòng ca ngợi Việt Nam và tích cực ủng hộ nhân dân Việt Nam chiến đấu.

Bác quan tâm con người không chung chung, mà rất cụ thể, không những đối với những người gần gũi bên Bác, những người Bác gặp mà còn đến những người có thể Bác không gặp. Khi đi qua chiếc cầu gặp ghềnh hay gặp hòn đá khập khiễng, Bác dừng lại cùng anh em sửa sang cho chắc để người đi sau khỏi gặp nguy hiểm. Lội qua suối gặp hòn đá trơn, Bác cúi xuống nhặt ném đi xa để người đi sau không bị ngã. Có lần đi chiến dịch, đường đi nhiều ổ gà, phía trước có hòn đá to, đồng chí lái xe cứ cho xe vượt, không ngờ xe va vào hòn đá bị hỏng. Bác xuống xe, chiếu đèn pin giúp cho các đồng chí sửa xe, Bác động viên cứ bình tĩnh chữa cho cẩn thận. Khi xe sửa chữa xong tiếp tục lên đường, bấy giờ Bác mới nói: “Đáng ra lúc nãy chú cho xe dừng lại lăn hòn đá xuống vực rồi mới đi, có lâu cũng chỉ dăm phút, không phải dừng sửa chữa mất hơn nửa tiếng, mà lại giúp các xe sau không bị nạn, chú đã “tham đĩa bỏ mâm”.

Trên đường ra trận Bác cùng lăn lộn với anh em, cùng đổ mồ hôi cùng sôi khí thế. Khi đi chỗ đường trơn, suối đá trơn gập ghềnh, anh em bảo vệ muốn giúp Bác kéo ngã, Bác bảo tự Bác đi dễ hơn, hơn nữa Bác đi nhanh và khéo hơn các chú đấy. Có lần mùa mưa, gập con suối nước chảy xiết, việc cần gấp phải qua, các đồng chí đang lúng túng không biết làm sao qua được. Bác bảo tìm sợi dây rừng thật chắc buộc chặt vào người rồi dìu dắt nhau qua. Nhớ lần Đại hội Đảng lần thứ II ở Tuyên Quang, biết chị Quý, nhân viên phục vụ Đại hội mới sinh cháu bé được 5 tháng, Bác bảo Bác sẽ đến thăm. Vì ngại nơi ở xa và chưa chu tất, gia đình muốn bế cháu đến thăm Bác, Bác bảo, ông phải đến thăm cháu chứ. Thế rồi Bác tranh thủ thời gian đến thăm, cho quà và chụp ảnh với cháu. Nhạc sĩ Phong Nhã lên báo cáo với Bác về tình hình thiếu nhi. Nhạc sĩ chuẩn bị nhiều nội dung lớn, nhưng khi lên Bác chỉ hỏi kỹ về việc các cháu con nhà nghèo vào đội ra sao, việc ăn ở, học hành, vui chơi thế nào. Bác chăm chú lắng nghe nhạc sĩ kể về các cháu tham gia mít tinh, tuần hành, cổ động. Bác dăm chiêu nhìn ra trời nắng nóng và nói: nhưng nhớ đừng để các cháu đi đầu trần dưới nắng dễ bị ốm. Mùa rét, Bác chỉ thị cho Bộ Giáo dục khi nhiệt độ xuống đến 10°C thì cho các cháu học sinh cấp I nghỉ học, xuống dưới 10°C cho các cấp các trường nghỉ học.

Có lần Bác đến dự cuộc họp cán bộ cấp cao, khi nghỉ giải lao các đồng chí vào phòng giải khát riêng, còn anh em khác không thuộc diện tiêu chuẩn đứng ngoài uống nước trà. Thấy vậy Bác ra mời anh em vào hết, Bác bảo: “Ai đến họp đều có phần như nhau”. Cứ mỗi lần chiêu đãi khách, khi tan tiệc Bác bảo: “Theo tục lệ Việt Nam, khi đi ăn cỗ thì phải có phần mang về, các chú nhớ lấy phần về chia cho người ở nhà, cho các cháu, người được

ăn phải nhớ người ở nhà”. Việc đó thành nếp mãi về sau. Ai được Bác chiêu đãi đều có phần mang về cho người ở nhà.

Về tặng thưởng của Bác thì có nhiều, với mọi đối tượng. Hồi mới đầu kháng chiến có một phóng viên nước ngoài gửi tặng Bác mấy bức ảnh. Người không quên gửi tặng lại ảnh với lời đề tặng thân thiện. Ai có thành tích kháng chiến Bác gửi thư khen ngợi, hoặc gửi tặng quà là chiếc áo mà đồng bào tặng Bác. Khi cấp dưới ốm đau, Bác biết Bác đến tận giường bệnh hỏi thăm. Người yêu thơ gửi thơ tặng Bác, Bác gửi lại tặng thơ, những bài thơ thường đó là thơ tức cảnh, là cảm xúc thực, dung dị, xuất phát từ hoàn cảnh thực mà ai nhận được cũng cảm thấy gần gũi, xúc động bởi trái tim và tấm lòng Bác quá bao la, soi rọi tận tâm can xúc cảm của con người. Những ngày cuối cuộc kháng chiến, Bác nhận được thơ của hai cháu thân quen là Hà, Hạnh (con gái nhà văn Đặng Thai Mai). Bác viết thư trả lời và gửi kèm “Bài thơ tức cảnh khi thức giấc”:

*Kìa bãi cát, nọ rừng thông,
Nước nước, non non, khéo một vùng,
Đang đợi người thơ cùng bạn vẽ,
Đến chơi cảnh trí với rừng sông.
Tay đàn, cặp sách, ông đầu bạc
Được phép ngao du cùng tuế nguyệt
Vì rằng kháng chiến đã thành công.*

Khi biết tin chị Hà có thai, Bác viết thư căn dặn “... Phải cẩn thận, nếu không cẩn kíp lắm thì không nên cưỡi ngựa, lội suối trèo đèo và làm gì nặng nề mệt nhọc quá. Bao giờ có dịp Bác sẽ đến thăm cháu...”. Có lẽ món quà quý nhất đối với người nhận là mấy lời Bác dặn dò chân tình, là câu thơ, bài thơ được Bác viết tặng với một

nỗi niềm tâm sự, một cảm xúc tràn đầy tình người, một niềm hy vọng về tương lai tươi sáng cho người nhận, cho tất cả đất trời, nhân loại. Khi biết tin cụ già ở Hải Phòng tuổi đã trên trăm vẫn cùng con cháu cầm bút cấp sách đi “diệt giặc đốt”, Bác viết thư khen ngợi: “Cụ đã nêu tấm gương sáng cho con cháu noi theo...” Đọc báo, Bác biết tin đội nữ dân quân, đội lão dân quân có thành tích bắn rơi máy bay Mỹ, Bác gửi thư, tặng cờ khen thành tích. Giặc Mỹ ném bom miền Bắc, Bác tặng cờ thưởng luân lưu cho quân và dân Quân khu IV, cho các tỉnh tuyến đầu. Bác có “Cờ thưởng luân lưu” dành thưởng cho những đơn vị bắn rơi nhiều máy bay nhất trong ngày, trong tháng, trong năm. Cho nên cờ được chuyển tay nhau đi đến các trận địa nóng bỏng nhất, như thêm sức mạnh cho các chiến sĩ “nhằm thẳng quân thù mà bắn”, quyết vít cổ “Thần sấm”, “Con ma” thật nhiều dâng Bác, dâng Tổ quốc.

Hàng tháng, Bác dặn đồng chí Vương phụ trách khen thưởng Phủ Chủ tịch tổng kết lại trong tháng mỗi tỉnh, mỗi ngành, mỗi bộ, mỗi trường học, đoàn thể được Bác thưởng bao nhiêu huy hiệu. Có con số cụ thể để điều tra xem xét vì sao nơi này nhiều, nơi kia ít. Vì sao ít, có phải vì phong trào kém hay vì chưa có báo cáo kịp thời, để nhắc nhở những nơi đó. Hàng ngày Bác đọc báo, có tin người tốt việc tốt Bác xét thấy thưởng được huy hiệu là Người vòng tròn bên cạnh, đồng chí giúp việc Bác dựa trên những chỗ đánh dấu đó mà gửi tặng huy hiệu. Đặc biệt khi thưởng huy hiệu Bác chú ý nhất là những người đi đầu khởi xướng phong trào, còn khi đã thành phong trào thì phải có thành tích cao và liên tục. Chị Phạm Thị Vách, người đi đầu trong phong trào thủy lợi của tỉnh Hải Hưng, Bác gửi thưởng huy hiệu cho chị Vách, còn sau đó đã thành phong trào có người đạt thành tích cao

hơn chị Vách nhưng Bác chưa thưởng. Lúc đầu chuyên gia nước bạn sang giúp ta còn ít, Bác tặng huy hiệu của Người. Về sau sang đông, nhiều nước khác nhau, ta chủ trương tặng huy hiệu hữu nghị. Họ không thích, họ bảo huy hiệu của Bác Hồ quý hơn. Đi xuống địa phương để khuyến khích phong trào trồng cây, Bác chỉ cây đa to ngoài đồng nói với các đồng chí cán bộ địa phương: “Các chú có biết không, khi xưa các cụ ta trồng cây ngoài đồng là để khi làm mệt, trời nóng người ta tránh nóng, hồi xưa các cụ đã làm được thế, ngày nay chẳng lẽ con cháu không biết noi theo, trồng nhiều cây hơn để khi đi trên đường đâu cũng có bóng mát”. Khi biết những nơi chưa có phong trào trồng cây tốt, có nơi trồng nhiều nhưng không chăm sóc để cây chết và bị hỏng nhiều, nên hiệu quả thấp, Bác phát động phong trào “Các cụ trồng cây, các cháu chăm”. Từ đó miền Bắc phong trào trồng cây phát triển vững chắc hơn.

Bác đặc biệt quan tâm đến ngành giáo dục, vì nước muốn mạnh dân trí phải cao. Đầu tư, quan tâm đến giáo dục là việc làm cho tương lai. Sau khi cách mạng thành công, lá thư đầu tiên Bác viết là lá thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới. Trong những lần đi thăm các cơ quan đơn vị, địa phương... Bác dành nhiều lần, nhiều thời gian về thăm các trường học. Bác quan tâm đến ngành giáo dục không chỉ trên giấy tờ mà ở những chính sách. Bác căn dặn cán bộ từ trung ương đến địa phương, các ngành, các đoàn thể, phải xem giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, thể hiện ở trong các chủ trương, chính sách phải được thực thi trong cơ chế thích hợp. Bác tặng thưởng cho giáo viên dạy giỏi, cho học sinh học giỏi. Giải thưởng là một cuốn sổ đặt tên là “Giải thưởng Bác Hồ”. Khi làm cuốn sổ thưởng, Bác dặn: đây là giải thưởng nhưng nên có giấy

cho các cháu dùng, sổ phải kẻ hàng cho các cháu dễ viết in tên trường, lớp, tên học sinh. Trên trang đầu in “5 điều Bác Hồ dạy thiếu nhi”. Những quyển sổ giải thưởng đó ra đời những năm đầu tiên của chính quyền cách mạng, là nguồn động viên lớn lao cho thầy và trò lập thành tích trên mặt trận giáo dục. Sau này ngành giáo dục đề ra tiêu chuẩn “Đạt giải thưởng Bác Hồ” quá cao, các môn học phải đạt điểm 10 và đạo đức tốt. Bác có ý kiến là đối với các cháu học sinh dân tộc ít người nên châm chước, có thể có điểm 9 vẫn được thưởng. Từ khi phát động phong trào đến năm 1968 tổng kết lại ngành giáo dục đã nhận được 6210 giải thưởng của Bác Hồ, trong đó có 423 giải tặng cho giáo viên dạy giỏi có thành tích tốt.

Món quà Bác tặng, tuy nhỏ bé nhưng mang một ý nghĩa thiết thực mà Bác gửi gắm vào đó một điều mong muốn, một lời khuyên chân tình. Có lần anh em trẻ mới được bổ sung làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, vì chưa quen một số nguyên tắc bảo vệ nên thường có mặt hạn chế. Khi thấy Bác có đôi đũa đẹp, anh em bàn nhau giấu đi, mỗi người cất một khúc giữ trong mình làm kỷ vật. Đồng chí phụ trách phê bình anh em gay gắt. Biết chuyện, Bác lấy tặng mỗi người một cuốn sổ với lời đề tặng. Anh em rất sung sướng và cuốn sổ ngày ngày được anh em dùng ghi những việc làm tốt, những suy nghĩ hay. Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam còn lưu giữ hai kỷ vật Bác tặng, đó là chiếc máy quay đĩa và ghi âm vào đĩa nhựa hiệu Wilox mà bà con Việt kiều tặng bác khi Bác sang Pháp năm 1946. Chiếc đồng hồ Rolex Royal do Việt kiều ở Thái Lan tặng Bác, Bác cũng tặng lại Đài.

Bác viết hàng nghìn bài báo, khi có nhuận bút văn phòng đều gửi vào tiết kiệm, đến năm 1967, tổng số tiền lên đến 25.000 đồng (tương đương 60 cây vàng). Khi biết

bộ đội pháo binh trực chiến dưới trời nóng khát nước, Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ chuyển số tiền đó để mua nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không. Bác lo cho con người từ cái nhỏ nhất đến việc lớn, Bác quan tâm từ người cán bộ đến anh em chiến sĩ, dù ở đâu, hoàn cảnh nào. Nhớ lần họp Hội đồng Chính phủ tại thôn Chúc Sơn đầu năm 1948, đồng chí Hoàng Hữu Nam nhờ cụ chủ nhà mua hộ cho 20 quả trứng luộc để anh em ăn về đêm cho đỡ đói. Giữa cuộc họp Bác đến, cùng lúc đó rổ trứng được mang tới, Bác biết số trứng không đủ cho số người họp, nhưng nhất định từ chối không được, Bác vờ lấy một quả như mọi người. Có lần nhân ngày sinh nhật Bác, ở chiến khu, anh em phục vụ cố gắng cải thiện bữa ăn tươi. Gần trưa Bác đứng hóng mát ở bóng cây thấy một đồng chí cán bộ đi công tác phi ngựa qua, Bác cho gọi lại và mời vào ăn cơm thân mật với Bác và anh em nhân ngày vui. Được biết bố đẻ liệt sĩ Lý Tự Trọng (thời kỳ Bác hoạt động ở Thái Lan, ông này thường mời Bác những món ăn dân tộc mà Bác rất thích) ra Hà Nội, Bác cho mời vào nơi Bác ở, trong không khí hàn huyên nhớ thừa hàn vi, Bác mời ăn những món ăn xưa như để nhắc lúc nào cũng nhớ về nhau như đôi bạn tri kỷ. Hồi ở chiến khu, Bác tiếp anh hùng La Văn Cầu khi anh vừa qua một trận chiến đấu rất anh dũng. Đến bữa cơm, Bác nói chân tình để anh ăn được nhiều cơm: “Hôm nay Bác thết chú, chú ăn đừng làm khách nhé, bởi toàn “cây nhà lá vườn” cả, này nhé, rau xanh Bác trồng, gà Bác nuôi, trứng là trứng gà Bác nuôi đẻ đấy, chỉ có mặng muối là phải mua thôi. Chú ăn thật no đấy!” Hai Bác cháu chuyện trò vui vẻ, bữa ăn anh Cầu ăn được nhiều hơn bình thường. Tối đó Bác giữ anh Cầu ở lại ngủ qua đêm. Bác quý, Bác xem anh như con đẻ. Sau này về Hà Nội, tại cuộc họp Quốc hội, khi nghỉ giải lao, Bác gọi anh Cầu

lại hỏi thăm sức khỏe, gia đình. Biết anh Cầu đã có vợ, còn vợ anh là chiến sĩ thi đua ngành công nghiệp giấy Trần Thị Thanh. Bác hỏi anh Cầu: “Thế cô ấy có lớn lên được tý nào không?”. Hôm sau Bác mời cả nhà anh vào thăm Bác tại Phủ Chủ tịch. Nhớ lần Bác đến thăm bệnh viện Khu tự trị Việt Bắc, Bác hỏi người phụ trách trong bệnh viện có bệnh nhân nào nặng nhất, cho Bác đến thăm. Các được dẫn đến chỗ chị cấp dưỡng khu gang thép Thái Nguyên. chị bị bỏng đến 80%, lúc đó đã qua cơn nguy kịch nhưng vẫn nằm bất động. Bác đến gần giường ân cần hỏi: “Cháu có đau lắm không?” Biết bệnh tình nguy kịch, Bác rất lo cho tính mạng chị, Bác dặn y bác sĩ: “Bệnh nặng thế liệu có chữa khỏi không? Các cô các chú cố gắng cứu lấy chị ấy”. Bác đến thăm như thêm sức mạnh kỳ diệu cho chị và cả tập thể y bác sĩ, họ đã quyết tâm vượt qua được cơn bệnh hiểm nghèo.

Những chuyến đi xuống thăm các cơ sở sản xuất, thăm nhân dân, mặc dầu đã có chương trình bố trí cho Bác đi, nhưng Bác vẫn có cách tiếp xúc trực tiếp với dân. Một lần nhân đầu năm mới, Bác lên Vĩnh Phú thăm và chúc Tết. Các đồng chí cấp tỉnh đã chuẩn bị một số nơi cho Bác đến. Bác biết, nên Bác chưa đến những nơi đó trước, Bác vào thăm một gia đình của một đồng chí đang chiến đấu ở miền Nam. Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe gia đình việc học hành của các cháu và sự quan tâm của địa phương ra sao. Chị chủ nhà nói những gì có thật, khác xa sự báo cáo của địa phương. Bác không vui, Bác phê bình thế là không tốt với dân, lừa dối cấp trên. Khi tập trung nói chuyện với nhân dân, các đồng chí cán bộ thì ngồi gần Bác, còn các cụ thì ngồi phía sau xa chỗ Bác đứng. Bác trực tiếp sắp xếp lại, Bác mời các cụ lên ngồi gần Bác rồi Bác mới bắt đầu nói chuyện. Bác rất biết những nhược điểm của một số cán bộ thường mắc bệnh

hình thức chủ nghĩa, cho nên khi đi đâu thăm dân, Bác dặn các đồng chí phục vụ, bảo vệ không được cho cán bộ địa phương biết trước. Một lần Bác xuống thăm nhà trẻ, Bác đi vào cổng, giữa trời nắng chang chang đã thấy hai dãy hàng các cháu, quần áo ăn mặc chỉnh tề, cháu nào mặt cũng đỏ gay vì nắng. Thấy Bác các cháu rất vui, Bác cùng hòa trong niềm vui với trẻ thơ như để bớt đi nỗi vất vả mà các cháu phải chịu đựng khi chờ đợi Bác. Nhưng khi về Bác phê bình, vì sao “để lộ ra”, vì sao bắt các cháu đứng giữa nắng. Tết năm 1962, theo kế hoạch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội bố trí Bác đi chúc Tết một số gia đình, Bác dặn đồng chí phục vụ ngoài chương trình của thành phố bố trí cho Bác đi thăm một số gia đình khó khăn. Sau khi “hoàn thành” chương trình của thành phố, Bác vào ngõ Hàng Chĩnh đến thăm nhà chị Tín. Chị đi gánh nước thuê ra đến ngõ thì gặp Bác, cảm động quá đôi quai thùng rơi xuống đất. Bác đến gần ôn tồn động viên chị, hỏi thăm sức khỏe gia đình và học hành của các cháu. Được biết chồng mất sớm, một mình nuôi bốn con còn nhỏ thiếu ăn, thiếu mặc nên các cháu thất học. Nhìn trong nhà thấy không có gì cả, Bác hỏi: “Thế mẹ con cô ăn Tết thế nào?” Chị trả lời trong nước mắt: “Dạ thưa Bác, không có gì để đón Tết, cả nhà cháu chỉ còn một lon gạo để dành sáng mồng Một Tết nấu cháo cho các cháu ăn, nên tuy năm hết Tết đến cũng phải tranh thủ đi gánh nước thuê, kiếm ít tiền mua cái gì đó cho các cháu”. Nghe vậy Bác rất cảm động. Bác tặng quà cho các cháu và dặn: “Cố gắng săn sóc các cháu”. Chị cảm động nói: “Không ngờ như gia đình cháu mà Bác cũng đến thăm”. Bác ân cần bảo: “Bác không đến thăm những gia đình như gia đình cô thì thăm gia đình ai”. Khi xe đưa Bác về đến nhà thì gia đình một số đồng chí cán bộ vui mừng ra đón Bác, chúc Tết Bác.

Nhưng tất cả bỗng im lặng và đi chậm lại khi thấy Bác đi chúc Tết về mà không vui. Vào nhà, Bác kể chuyện đến thăm gia đình chị Tín cho mọi người nghe, và Bác nhấn mạnh: “Ta có chính quyền trong tay nhưng không sát dân, cho nên phục vụ nhân dân chưa tốt”. Sáng hôm sau, mặc dầu mồng một Tết Bác cho gọi đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố lên và nói lại chuyện trên, Người nghiêm khắc nhắc nhở chung cán bộ thành phố chưa sâu sát, chưa biết cách tổ chức vận động nhân dân “lá lành đùm lá rách”, có nhiều gia đình Tết đến mà không có Tết, đó là lỗi của cán bộ không gần dân, ta có chính quyền nhưng chưa gần và hiểu dân. Bác đến thăm dân, Bác tới những nơi cán bộ ít hoặc không bước chân đến, nơi đó người dân phải chịu đựng nỗi vất vả, gian nan. Nhớ lần đến thăm một cơ quan, Bác đi thẳng vào nhà ăn, Bác bước xuống chỗ nhộp nháp, trơn, đồng chí cán bộ lãnh đạo cơ quan vội thưa Bác là chỗ đó bẩn, dễ ngã, đồng chí mời Bác đi hướng khác, nhưng Bác không nghe, Bác nói: “Bác đi lối này để chú biết lần sau dọn cho sạch sẽ”. Vào nhà ăn Bác xem kỹ tường, trần nhà, nền nhà, bàn ăn. Bác chỉ vào chỗ ruồi đang bay “trực thăng”. Bác phê bình, đại ý, hồi xưa thằng Tây nó to, ác như thế, nó có súng to súng nhỏ mà ta còn đánh được, thế mà bây giờ con ruồi nó không có súng, nó không to thế mà các cô các chú không đoàn kết tiêu diệt được nó. Bác phê bình là vì sức khỏe của anh em cán bộ, Bác mong mọi người cùng nhau tiến bộ không chỉ ở những công việc lớn lao mà ngay cả những việc tưởng tầm thường nhỏ nhặt. Có lần đến thăm đơn vị thấy một đồng chí có vết bẩn ở mặt mà không chú ý nên không biết. Bác đến gần ân cần lấy khăn mặt của mình lau cho đồng chí và phê bình nhẹ: “Lần sau chú phải chú ý hơn”. Tết năm 1956, Bác đến thăm trường thương binh hỏng mắt. Bác vui vẻ nói

chuyện với anh em thương binh. Bác rất khen ngợi tinh thần khắc phục khó khăn, bệnh tật, luôn cố gắng phấn đấu vươn lên, Bác rất vui lòng khi được biết số tiền Bác tặng đã được dùng vào trồng rau, nuôi lợn cải thiện bữa ăn cho anh em. Bác ân cần động viên: Các chú được học chữ, học nghề sau này phục vụ nhân dân được tốt hơn, như vậy các chú “tàn nhưng không phế”. Thời kỳ kháng chiến ở chiến khu, khi nghe tin đôi trai gái Bác quen biết tổ chức lễ cưới, bận không đến được, Bác gửi thiệp chúc mừng: “Chúc Lương Thuận đoàn kết chặt chẽ. Ký tên: Hồ Chí Minh”. Lần sau nhân dịp đi công tác, Bác ghé thăm nhà, anh chị là cán bộ tài chính nhưng kinh tế cũng như mọi gia đình khác, vào nhà không có bàn ghế ngồi, Bác bảo ra ngồi ngoài thêm cho thoáng mát, Bác ngồi xuống vỉa hè bảo chị Thuận và mọi người cùng ngồi cạnh, Bác hỏi thăm mọi mặt, Bác khuyên nên tích cực tăng gia sản xuất; thấy cháu bé con chị ngồi trong xe cút kít làm bằng gỗ, Bác bế cháu âu yếm, dỗ dành bón từng thìa cơm cho cháu. Nhớ hồi ở Pắc Bó, khi vào bản thăm bà con thấy các cháu nhỏ nghịch bản không tắm giặt. Bác bảo các đồng chí cùng đi tìm một cây gỗ lớn về làm cái máng đựng nước rồi tắm cho các cháu. Thời kỳ ở Trung Quốc, có lần đến tuyên truyền cách mạng trong anh em công nhân đường sắt, Bác ở tạm trong một cơ sở tin cậy, thời gian rỗi Bác thường tham gia hoạt động giúp gia đình, như chặt củi, hái rau, nấu cơm. Thấy chị chủ nhà vất vả, lo toan mọi việc, Bác không nề hà giúp chị trong những công việc của người phụ nữ. Gia đình có cháu bé hay khóc, Bác dỗ rất khéo, tắm giặt sạch sẽ, khéo vỗ về nên khi Bác cho ăn cháu thường ăn được nhiều, từ đó cháu ít khóc, chóng lớn, không những chị chủ nhà mà mọi người ai cũng khen và phục tài của Bác. Có lần Bác gặp gỡ các anh hùng lực lượng vũ trang, thấy

một cô gái nhỏ bé, Bác đến gần và hỏi: “Cháu là gì?”, cô gái thưa với Bác: “Dạ thưa Bác, cháu là dân quân”. Bác vui vẻ nói: “Là dân quân, cháu vừa là dân, vừa là quân, hai nhiệm vụ nặng nề cháu có vất vả lắm không?”

Thường thường trước ngày duyệt binh kỷ niệm Quốc khánh 2-9, Bác đến thăm các lực lượng tham gia duyệt binh thử, Bác nói đại ý hôm nay Bác đến để các cô các chú nhìn thấy Bác trước, ngày mai tại quảng trường Ba Đình trước toàn dân và khách quốc tế các cô các chú lo làm cho đúng động tác, khỏi ảnh hưởng đến quân thể và uy tín của các lực lượng vũ trang.

Bác Hồ gần với dân là vậy. Không chỉ xuất phát từ nỗi lo toan của vị Chủ tịch nước với dân mà còn là tình thương yêu con người với con người. Bác lo lắng giáo dục đội ngũ cán bộ vừa có tài nhưng phải có đức. Bác theo dõi sự tiến bộ của cán bộ từ học hành, công tác đến các mối quan hệ với dân. Bác thương yêu giúp đỡ những người yếu, những hoàn cảnh khó. Nỗi lo, tình thương ở Bác đã trở thành tâm linh của một vĩ nhân, một bậc thánh hiền.

TÀI ỨNG KHẨU CỦA BÁC

Bác là một lãnh tụ, nhưng khi hòa mình với nhân dân, không chỉ bằng những lời giáo huấn đơn điệu, mà là sự kết hợp hài hòa giữa tác phong quần chúng, những lời nói bình dị, dễ hiểu và khả năng gây cười, sự dí dỏm tự nhiên. Phản xạ, ứng đáp nhanh nhạy trước mọi tình huống ở Bác có nét đặc trưng riêng, đã trở thành thói quen phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, thích ứng với mọi hoàn cảnh xung quanh. Đó là kết quả của một trí tuệ mẫn tiệp, của thái độ, phong cách quần chúng. Bác luôn tạo nên một không khí hòa đồng, một mối liên hệ gần gũi giữa người nói, người nghe, xoá đi những cách biệt, những suy nghĩ tự ti của người dân trước lãnh tụ và đưa lại không khí tự nhiên vốn có giữa con người với con người. Nó không dừng lại ở nghệ thuật ứng xử mà là phản xạ tự nhiên của vị lãnh tụ rất nhân dân.

Một lần tại bữa tiệc do Hữu Chí Minh (người góp phần đưa Bác ra khỏi nhà tù của Tưởng Giới Thạch), chủ nhiệm Cục chính trị đệ tứ chiến khu chiêu đãi, hôm đó có Bác và Nguyễn Hải Thần cùng dự. Nguyễn Hải Thần rất tự phụ về vốn Hán học của mình và nhân dịp này đã ra một vế đối: *“Hữu Chí Minh - Hồ Chí Minh, lưỡng vị đồng chí, chí giai minh”* (Hữu Chí Minh - Hồ Chí Minh, hai vị đồng chí, chí đều sáng). Khi mọi người còn đang nghĩ về đáp, thì Bác đã ứng khẩu: *“Nhĩ cách mệnh, ngã cách mệnh, đại gia cách mệnh, mệnh tất cách”* (Anh cách mạng, tôi cách mạng, mọi người cách

mạng, mạng phải cách). Chỗ khó và hay của vế đối là hai chữ “chí” và “minh” là tên của hai nhân vật chính trong bữa tiệc, cái tài tình của vế đáp của Bác là vừa hợp thời, hợp cảnh và chuẩn chỉnh cả ý lẫn từ, nhưng nâng tầm nhận thức, tư tưởng cao hơn, mang tính cách mạng hơn. Hầu Chí Minh hết lời ca ngợi người đáp đối: “Đối tuyệt lắm, tuyệt lắm”. Nguyễn Hải Thần cung kính thốt lên: “Hồ tiên sinh, tài trí mẫn tiệp, bội phục, bội phục”. Năm 1946, Bác sang Pháp, người phụ trách làm hộ chiếu xin phép Bác làm thủ tục. Bác vui vẻ nói: “Chú cứ hỏi Bác trả lời đầy đủ”. Đến câu thân sinh Bác tên là gì? Bác cười, trả lời hóm hỉnh: “Bác là Hồ Chí Minh thì ông cụ thân sinh là... Hồ Chí Thông”. Mọi người nhìn nhau cười vui vẻ. Một lần có nhà báo nước ngoài hỏi Bác: “Có phải Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc không?” Bác trả lời: “Ông cứ đến ông Nguyễn Ái Quốc mà hỏi”. Lần khác nhà báo nước ngoài xin phỏng vấn Bác, ông ta đặt câu hỏi: “Thưa Chủ tịch, trước hoạt động ở nước ngoài, vào tù ra khám, nay làm Chủ tịch nước, Chủ tịch thấy có gì thay đổi trong đời mình không?” Bác trả lời hóm hỉnh: “Không có gì thay đổi cả, lúc bị tù ở Liễu Châu luôn luôn có hai lính gác giải đi, lúc trong tù mỗi ngày 5 phút được hai người lính bồng súng dẫn ra dạo chơi. Nay làm Chủ tịch nước đi đâu cũng có hai đồng chí mang súng lục đi theo, ông thấy có gì thay đổi không nào?” Năm 1946, trên đường từ Pháp về Việt Nam đến vùng biển Cam Ranh, Bác nhận được bức điện của Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ, xin gặp Bác trong cảng, mục đích của chúng là giễu võ dương oai để uy hiếp tinh thần Bác. Trong bộ quần áo giản dị, Bác ngồi giữa một bên là Đô đốc hải quân Pháp, bên kia là Thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông với những bộ quân phục sáng loáng các thứ bội tinh, quân hàm, quân hiệu. Đắc-giăng-li-ơ giọng mỉa mai bóng gió: “Thưa ông Chủ tịch, ông đã được đóng bộ khung rất đẹp

của hải và lục quân đó”. Bác thản nhiên mỉm cười: “Đô đốc biết đó, giá trị là ở bức họa chứ không phải bộ khung. Chính bức họa đem lại giá trị cho bộ khung”. Bất ngờ và cay cú trước tài ứng xử thông minh của Bác, cả hai không dám nói xách mé nữa mà tỏ ra rất lịch lãm và kính phục. Lần khác, Bác lên tàu đàm phán với Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ ở Vịnh Hạ Long. khi gặp, Bác chủ động ôm hôn Đô đốc. Các đồng chí đi theo thắc mắc, Bác nói: “Đánh nhau thì đánh nhau, mình hôn nó một cái thì có mất gì”. Hôm sau báo chí đưa ảnh và bình luận: “Hồ Chủ tịch ôm hôn Đô đốc chính là ôm chặt để bóp chết...” Khi bàn về quy định các phù hiệu đi lại trên xe của Ủy ban liên hiệp thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, phía Pháp đề nghị trên xe có hai lá cờ, một bên của ta một bên của Pháp, còn phía dưới là cờ chính quyền Bảo Đại. Việc được hỏi ý kiến Bác, Bác bảo cứ chấp nhận đi rồi sẽ có những diễn biến lý thú. Đúng như Bác nói, khi xe đi đến đâu dân cũng chế giễu lá cờ ăn theo ngoại bang. Chuyện tếu lan khắp nơi “3 cột 3 cờ” có ý nhạo báng cờ Bảo Đại. Bọn bù nhìn ngụy quyền phản đối, đòi thay đổi. Ta lấy cớ đó là ý của Pháp nêu ra. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, có một cán bộ cao cấp nước ngoài khi đứng trước hàng quân cứ nói thao thao bất tuyệt, nào là chê ta cái này cái nọ, cứ yêu cầu làm theo họ thế này thế kia. Bác nghe, rất bức nhưng không nói gì. Đến giờ nghỉ, cùng ngồi uống nước. Bác giới thiệu đồng chí Hoàng Đạo Thúy trước đây là hướng đạo sinh, nay là cán bộ phụ trách công tác thông tin của quân đội. Vị cán bộ nọ hết sức thắc mắc vì sao lại giao một nhiệm vụ quan trọng như thế cho một hướng đạo sinh, Bác bảo: “Nước chú khác, nước chúng tôi khác”. Ông ta chắc hiểu ý Bác.

Đầu năm 1950, Chính phủ nước “anh cả” mở tiệc chiêu đãi trọng thể Chủ tịch nước láng giềng của ta. Hôm chiêu đãi có mời Bác đến dự. Khi chuyện trò Bác

hỏi đồng chí Chủ tịch nước “anh cả”: “Các đồng chí đã ký hiệp ước với nhau, nhân dịp tôi ở đây chúng ta cùng ký một hiệp ước với nhau”. Chuyển đi của Bác lúc đó là đi bí mật, nên đồng chí Chủ tịch trả lời Bác là: “Người ta sẽ nói đồng chí ở đâu đột ngột đến thì không tiện”. Bác trả lời: “Cái đó dễ thôi, đồng chí cho một chiếc máy bay, đưa tôi bay một vòng trên trời, sau đó cho người ra đón, rồi quay phim chụp ảnh đưa tin là ổn”. Năm 1967, Liên Xô quyết định tặng Bác huân chương Lênin. Nếu Bác từ chối không nhận thì không thuận cho quan hệ ngoại giao. Bác vốn xưa nay chưa bao giờ nhận huân chương, lần này Bác có cách từ chối khéo. Bác viết thư xin hoãn việc trao huân chương, chờ khi nào giải phóng hoàn toàn Tổ quốc lúc đó Bác sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam, nhận huân chương cao quý đó. Hôm sau các báo ở Liên Xô đăng trang trọng trên trang nhất quyết định tặng huân chương của Bác. Qua đó nhân dân Liên Xô càng yêu quý Bác hơn. Nhớ lần Bác đến thăm một nông trường ngoại ô Ki-ép, Bác đi xuống nơi công nhân đang lao động, thấy Bác ăn mặc giản dị ai cũng quý, cũng muốn đến gần. Khi đó có một cô công nhân đứng cạnh Bác mạnh dạn hỏi: “Thưa Bác, cháu trộm nghĩ một mình Bác chắc không tiêu hết lương Chủ tịch nước?”. Bác nhảm tính và vui vẻ trả lời: “Thế tính ra lương cháu gấp đôi lương Bác đấy”. Hồi kháng chiến chống Pháp, Bác thường đi xuống thăm các đơn vị cơ sở. Một lần đi thăm xưởng quân giới Lê Tô, Bác trả lời các câu hỏi của anh chị em ngắn gọn, dễ hiểu. Có người hỏi, khi nào thì đồng tiền Việt Nam trở lại giá trị như khi nó mới có. Bác trả lời: “Khi các cô các chú tăng gia sản xuất tăng hai lần thì nó trở lại hai lần, tăng ba lần nó trở lại ba lần”. Có người hỏi, Đảng ta sắp ra công khai, vậy Bác có ra không, tên thật Bác là gì? Khi nói đến Bác, Bác có ra không? Cả hội trường cùng cười. Bác nói: “Đấy, cười là trả lời rồi đấy”.

“Tên thật Bác là Bác”. Có câu hỏi: “Khi nào thì Bác có Bác gái?” toàn thể reo cười. Bác trả lời: “Khi nào có thì Bác sẽ trả lời”. Câu hỏi tiếp: “Phụ nữ các nước dân chủ họ làm gì ạ?”. Bác trả lời: “Họ cũng lao động tăng gia sản xuất, và học hát. Các cô các thím thua họ ở chỗ học hát”...

Năm 1948, nhân ngày phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bác vui vẻ ra câu đối “*Giáp phải giải Pháp*”. Các vị có mặt gặp thế bí vì câu vế đối nói lái này gói gọn ý Đại tướng Giáp phải giải giáp được thành Pháp. Ông Tôn Quang Phiệt nhìn Bộ trưởng Bộ tài chính Lê Văn Hiến, đọc vế đối: “*Hiến tài, hái tiền*”. Bác khen vế đối hay, đạt cả ý lẫn lời, nên Bác tặng tác giả một quả cam. Sau một cuộc họp lớn, giữa trưa hè nắng đẹp, mọi người đề nghị ra sân chụp chung ảnh với Bác. Mọi người đứng đâu vào đấy cả rồi, thợ ảnh cứ chạy bên này bên kia, chọn góc chụp, Bác đứng cạnh nhà thơ Tú Mỡ, nói vui: “Chú chụp nhanh không thì tất cả bọn này thành Tú Mỡ cả”. Mọi người được phen cười vui vẻ. Bác vừa nói theo nghĩa tiếng Pháp (Tout là tất cả, mỡ là mồ hôi) vừa theo nghĩa tiếng ta, ngụ ý dí dỏm, vui vẻ. Đồng chí Nguyễn Đăng Bẩy, thời kỳ kháng chiến là phóng viên nhiếp ảnh thông tin Trung ương, khi chụp được một số ảnh của Bác, anh em bàn đưa ra trưng bày triển lãm. Hôm đó Bác tình cờ vào xem. Thấy đồng chí Bẩy đang hí hoáy trang trí, Bác hỏi: “Chú treo được bao nhiêu bức ảnh tất cả?” Đồng chí Bẩy trả lời Bác là được tất cả 20 tấm, Bác nói: “Hơn chứ, chú đếm lại xem thử”. Đồng chí Bẩy đếm đi tính lại cũng chỉ có 20. Lúc ấy, Bác cười, chỉ vào mình và nói: “Còn đây là chiếc thứ 21 chứ!”. Hôm khai mạc lớp chỉnh huấn có vui văn nghệ, một đồng chí xung phong lên đọc thơ của Huy Cận, Bác hỏi vui “Cái tác thật (tác giả bài thơ) có ở đây không?” Nhà thơ Huy Cận thưa có. “Thế thì mời “tác thật” lên đọc thơ của mình cho nó thật hơn”. Sau Bác hỏi: “Có chú nào dân tộc

Mường lên hát một bài tiếng Mường cho mọi người thưởng thức”. Có đồng chí xung phong đọc bài thơ lục bát tiếng Kinh, đọc lơ lớ, bỏ hết dấu, Bác bảo “Đấy không phải tiếng Mường”.

Bác đến thăm nhà chị Loan (người kéo cò ở quảng trường Ba Đình ngày 2-9) ở chiến khu, vào đến nhà thấy đồng con nhỏ, Bác nói vui: “Ồ tưởng đây là nhà cô Loan hóa ra là mình vào nhầm nhà trẻ”. Biết Bác phê bình khéo, chị gượng cười và báo cáo: “Thưa Bác đây là “tiểu đội” của vợ chồng cháu đấy ạ”. Bác vui vẻ bảo chị tập trung “tiểu đội” cứ lần lượt bé nhất đứng trước để Bác chia kẹo. Chị đang loay hoay sắp xếp đội hình, Bác bảo: “Tiểu đội trưởng cũng đứng vào hàng chứ”. Bác chia kẹo cho các cháu và cho cả chị nữa. Đến lượt chị, Bác nói vui: “Bác khen là cô đã có công nuôi dạy các cháu ngoan”.

Nhớ lần Bác đến thăm một gia đình cán bộ, thấy ba cháu gái xinh xắn ra chào Bác, Bác hỏi vợ chồng chủ nhà tên các cháu là gì, chị chủ nhà thưa tên các cháu là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân, Bác cười hiền lành và nói: “Sao đặt “văn chương” thế, gọi là Thu Ngô, Thu Sấn, Thu Khoai có hay không”. Khi ra về Bác bảo: “Nói vui thế thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”. Đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác có chai mật ong gửi tặng cháu, tự tay Bác viết “nhãn hiệu”: Tặng cháu Quang. Thời gian sau ghé vào thăm nhà đồng chí Bửu, Bác gọi âu yếm: “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ra ông bế nào”. Rồi Bác chụp ảnh với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Một lần đến dự cuộc họp Trung ương, thấy một cô gái đứng cạnh đường chào Bác, Bác hỏi: “Cháu đứng đây làm gì?”. Được biết cô là lính bảo vệ, Bác hỏi vui: “Thế cháu bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?”. Có lần Bác đến thăm một địa phương, đồng chí Bí thư tỉnh ủy đứng lên thưa với Bác có câu: “Thưa Bác Hồ, vị cha già dân tộc”,

Bác ngoảnh lại nói với mọi người; “Bác chưa già đâu”. Buổi đó Bác được tặng ba bó hoa, Bác hỏi đồng chí Bí thư: “Theo chú thì Bác nên tặng hoa cho ai?” Đồng chí trả lời Bác: “Thưa Bác, Bác tặng cho phụ nữ, thanh niên...”. Bác cười và nói vui: “Phụ nữ, thanh niên không tặng Bác thì thôi...” Bác xuống sân tặng một cụ già cao tuổi nhất, một cháu thiếu nhi và một chú bộ đội.

Lần Bác tiếp các anh hùng quân đội, Bác hỏi: “Chú nào hạ được nhiều máy bay nhất?” “Thưa Bác, đồng chí Cốc ạ”. Mọi người đồng thanh trả lời. Bác gọi: “Chú Cốc lên đây Bác bắt tay”. Bác nói: “Năm nay mong chúng ta có nhiều Cốc hơn nữa”. Đến thăm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bác đến gần một cô gái và hỏi: “Đơn vị cháu có mấy người trong đoàn?” Cô gái lúng túng trả lời: “Thưa Bác, chỉ một mình cháu được đi thôi ạ”. Bác dí dỏm: “Thế đơn vị cháu nhiều người tiêu cực thế à, chỉ được một mình cháu?”. Một đoàn cán bộ vào gặp Bác, Bác mời ăn kẹo, nhưng ai cũng nghe Bác nói chuyện chứ không muốn ăn, thấy thế Bác bảo: “Không ai ăn kẹo thì Bác cho mang về”. Lúc đó Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền hóm hỉnh nói: “Bác cho, ta đưa cả về” Bác cười vui nói ngay: “Bác cho đưa kẹo về, đĩa để lại Bác còn tiếp khách chứ”.

Nhớ lần đi “dã ngoại”, bữa ăn mang theo có thịt bò, đến bữa ăn đồng chí Vũ Kỳ chỉ vào đĩa thịt, hỏi đồng chí bảo vệ: “Đố biết là thịt gì?” Đồng chí này trả lời là thịt bò, đồng chí Vũ Kỳ hỏi tiếp: “Nhưng mà thịt bò gì chứ?” Đồng chí bảo vệ đang băn khoăn chưa kịp trả lời, đồng chí Vũ Kỳ nói tiếp: “Đây là thịt bò rừng, loại này đặc biệt lắm, người ta không bắn được nó mà phải dùng muối bỏ vào bẫy rồi mới bắt được nó”. Đang lúc lúng túng lại nghe kể có vẻ ly kỳ, nên đồng chí bảo vệ chăm chú lắng nghe, tưởng thật. Thấy vậy, Bác vỗ vai vừa cười, vừa hỏi: “Thế Bác đố chú một cân sắt nặng hơn hay một cân bông nặng hơn?”. Nghe Bác đố, lúc đầu đồng chí định trả lời là

cân sắt nặng hơn, nhưng nhìn ánh mắt vui vẻ của Người, đồng chí bình tĩnh cân nhắc và trả lời là nặng bằng nhau. Bác nói đùa vui: “Cân sắt chắc nặng hơn chứ” - như muốn nói thật bò nào mà chẳng giống nhau, cái chính là phải trả lời dứt khoát để khỏi người ta vắn vẹo, quanh co.

Một lần đến thăm đơn vị bộ đội, đi đường xa trời nắng, nhưng tới nơi Bác đi thăm anh em ngay. Bác đến thăm nơi ăn chốn ở, thăm nơi sinh hoạt văn hóa, thấy tờ báo tường viết câu “*Hồ Chủ tịch muôn năm*” kẻ đẹp nắn nót nhưng không có dấu. Bác nói vui: “Ừ đúng, Bác đi mệt, *Hồ Chủ tịch muôn năm*”. Rồi Bác hỏi: “Sao viết không có dấu, người đọc có thể hiểu sai ý”, có đồng chí trả lời Bác là thêm dấu nó mất đẹp đi, Bác nói: “Các chú viết đẹp nhưng chưa đúng nên mất đẹp đi đây, chữ Việt ta rất đẹp, khi đó, đủ dấu càng đẹp hơn”. Lần đến thăm xã Sài Sơn, thấy tám biển treo trên trụ sở Việt Minh xã có dòng chữ không dấu “TRU SO VIET MINH” Bác liền đọc “... Sô viết mình”, rồi Bác bảo các chú viết thế ai mà đọc đúng được. Tám biển được thêm dấu nên rõ ràng hơn, ai mới biết chữ cũng đọc được. Bác vào thăm nông trường Sông Hiếu, cùng đi với đồng chí giám đốc vào trung tâm nông trường. Bác chỉ câu khẩu hiệu viết không dấu, Bác hỏi: “LAM TRA NOI SONG” là gì? Đồng chí thưa Bác câu khẩu hiệu là “Hưởng ứng chiến dịch Lam Trà nổi sóng”. Bác bảo: “Thế thì chú phải cho một người đứng đây để đọc dịch câu khẩu hiệu đó chứ”. Khi Bác thăm xong nông trường thì câu khẩu hiệu cũng được sửa xong. Lần Bác đi qua nhà máy cơ khí Gia Lâm, đến trước cổng nhà máy thấy dòng chữ to chạy dài trên cổng nhà máy “NHA NIAY CO KHI GIA LAM”, Bác bèn đọc “nhà mầy có khí già lăm”. Bác phê bình, bảo chữ viết phải có dấu để người đọc khỏi nhầm.